



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

CÔNG TY CP SẢN XUẤT & CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ



Mục lục

PHẦN I2

TỔNG QUAN.....2

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP4

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN6

NGÀNH NGHỀ LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH7

TỔNG QUAN VỀ CÁC SẢN PHẨM CÔNG TY8

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC9

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BAN TGD10

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN.....13

PHẦN II.....14

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH14

BỐI CẢNH KINH TẾ VĨ MÔ.....15

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG VÁN LÁT SÀN SPC17

PHẦN III21

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2024.....21

ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....22

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 2024.....25

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....27

PHẦN IV30

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP.....30

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ31

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT36

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS38

HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ39

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO40

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ ĐẦU TƯ43

PHẦN V44

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....44

TỔNG QUAN BÁO CÁO45

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GẮN VỚI SK2794545

KẾT QUẢ NỔI BẬT NĂM 2024.....47

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 202550

BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....51

PHẦN I

TỔNG QUAN



❖ Tầm nhìn:

Trở thành doanh nghiệp tiên phong, dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm tinh chế từ đá CaCO_3 , tạo dựng vị thế vững chắc trong chuỗi giá trị toàn cầu.

❖ Sứ mệnh:

Mang lại những sản phẩm chất lượng cao bằng việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến.

Đảm bảo hài hòa các lợi ích của khách hàng, cổ đông.

Tạo môi trường làm việc nâng cao sự sáng tạo, trách nhiệm, chuyên nghiệp của cán bộ, nhân viên Công ty.

❖ Giá trị cốt lõi:

Chất lượng trên từng sản phẩm: Chất lượng sản phẩm là yếu tố sống còn đối với một doanh nghiệp khi tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Chủ động hoàn thiện năng lực sản xuất, luôn đảm bảo sản phẩm đầu ra theo đúng các thông số kỹ thuật đạt chuẩn, từng thành viên của Nhựa Pha Lê đều nỗ lực hoàn thành công việc được giao với chất lượng cao nhất.

Liên tục ứng dụng công nghệ vào sản xuất: Không chỉ đảm bảo ổn định chất lượng, việc đầu tư ứng dụng công nghệ tiên tiến giúp phát minh ra các phương thức sản xuất mới, từ đó cải thiện chất lượng đồng thời tiết kiệm chi phí.

Chia sẻ và đồng hành cùng đối tác: Tâm niệm đối tác là bạn đồng hành cùng chia sẻ trên con đường hoạt động kinh doanh, Nhựa Pha Lê luôn hỗ trợ các đối tác trên tinh thần hợp tác thành công, đôi bên đồng hưởng lợi.

Trách nhiệm với cộng đồng: Không chỉ vì mục tiêu phát triển kinh tế mà còn tồn tại để phục vụ người tiêu dùng, cải thiện và nâng cao đời sống đội ngũ cán bộ công nhân, đem lại lợi ích dài lâu cho đối tác và cổ đông, góp vào lợi ích chung của toàn xã hội.

CTCP SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- ✓ Tên công ty : Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê
- ✓ Tên tiếng Anh : Pha Le Plastics Manufacturing and Technology Joint Stock Company
- ✓ Tên viết tắt : PHA LE PLASTICS JSC
- ✓ Mã chứng khoán : PLP
- ✓ Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 08/03/2024
- ✓ Trụ sở chính : Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng
- ✓ Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Hà Nội - Nhà 4 dãy NO 9, Đường Huỳnh Văn Nghệ, KĐT mới Sài Đồng, P. Việt Hưng, Q. Long Biên, TP Hà Nội
- ✓ CN Nghệ An: Mỏ đá Thung Hung, Xóm Bản Hạng, Xã Châu Tiến, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An
- ✓ Vốn điều lệ : 700.000.000.000 đồng
- ✓ Điện thoại : (+84-24) 3555 1669
- ✓ Website : <https://phaleplastics.com.vn/>
- ✓ Đại diện pháp luật : **Ông Mai Thanh Phương**
- ✓ Chức vụ : Chủ tịch HĐQT

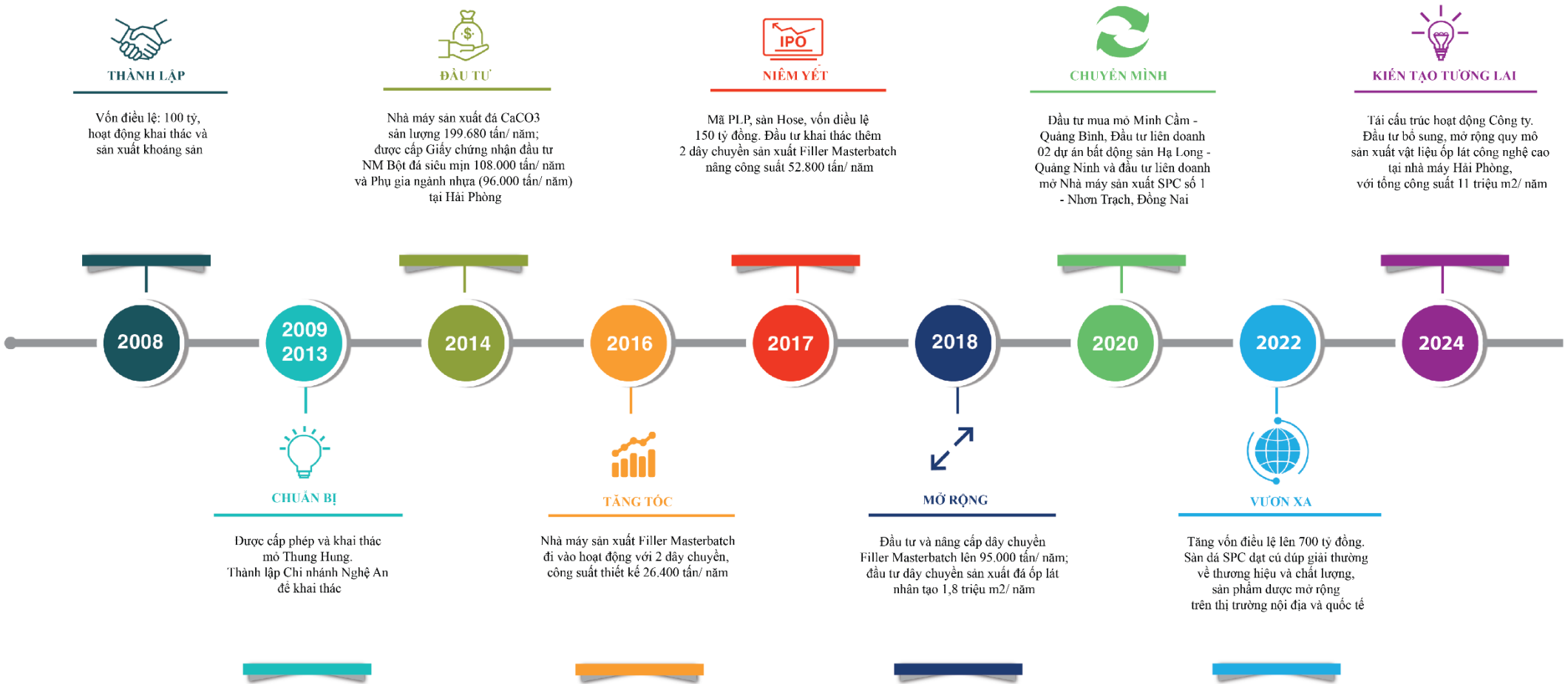


✓ Công ty con, công ty liên kết:

Hiện công ty có 02 công ty liên kết:

Thông tin	Công ty cổ phần khoáng sản Minh Cầm	Công ty cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An
Mối quan hệ	Công ty liên kết	Công ty liên kết
Địa chỉ	Mỏ đá Lèn Minh Cầm, Xã Phong Hóa, Huyện Tuyên Hoá, Tỉnh Quảng Bình.	Số 84, đường Hậu Cầm, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
Hoạt động kinh doanh chính	Khai thác khoáng sản	Kinh doanh bất động sản
Tỷ lệ sở hữu	45%	49,5%

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN



NGÀNH NGHỀ LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

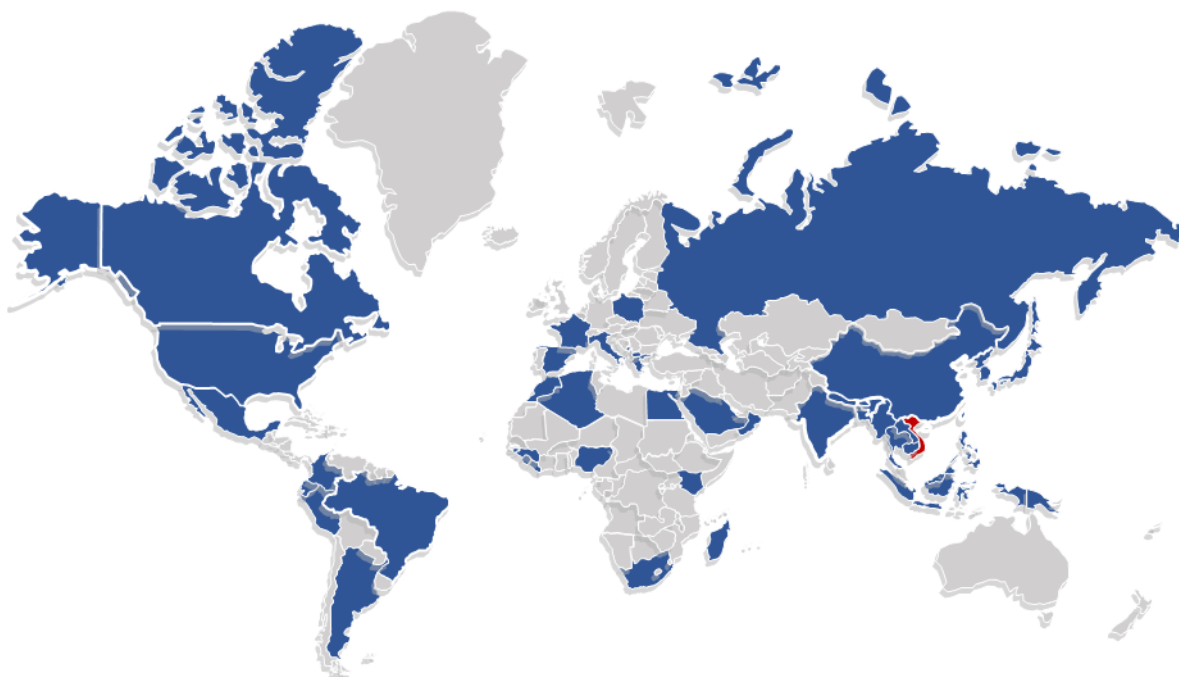
❖ Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh chính

- Thăm dò, khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sợi nhân tạo;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;

❖ Địa bàn kinh doanh

Với chuỗi quy trình sản xuất khép kín, chế biến sâu tài nguyên không tái tạo từ đá vôi, vôi bột, đến sản phẩm Filler chất phụ gia ngành nhựa và đặc biệt là sản phẩm ván sàn công nghệ SPC, phào nẹp... với quy trình kiểm soát nghiêm ngặt, Pha Lê đã đem đến sự uy tín cho các khách hàng trong và ngoài nước.

Địa bàn kinh doanh phát triển với hơn 70 nước, trải dài khắp các châu lục và nội địa Việt Nam: Nội địa, Mỹ, Châu Âu, Châu Á, Nam Phi.... Riêng đối với sản phẩm chiến lược sàn đá công nghệ SPC, Pha Lê trọng tâm phát triển tại thị trường Mỹ.



TỔNG QUAN VỀ CÁC SẢN PHẨM CÔNG TY

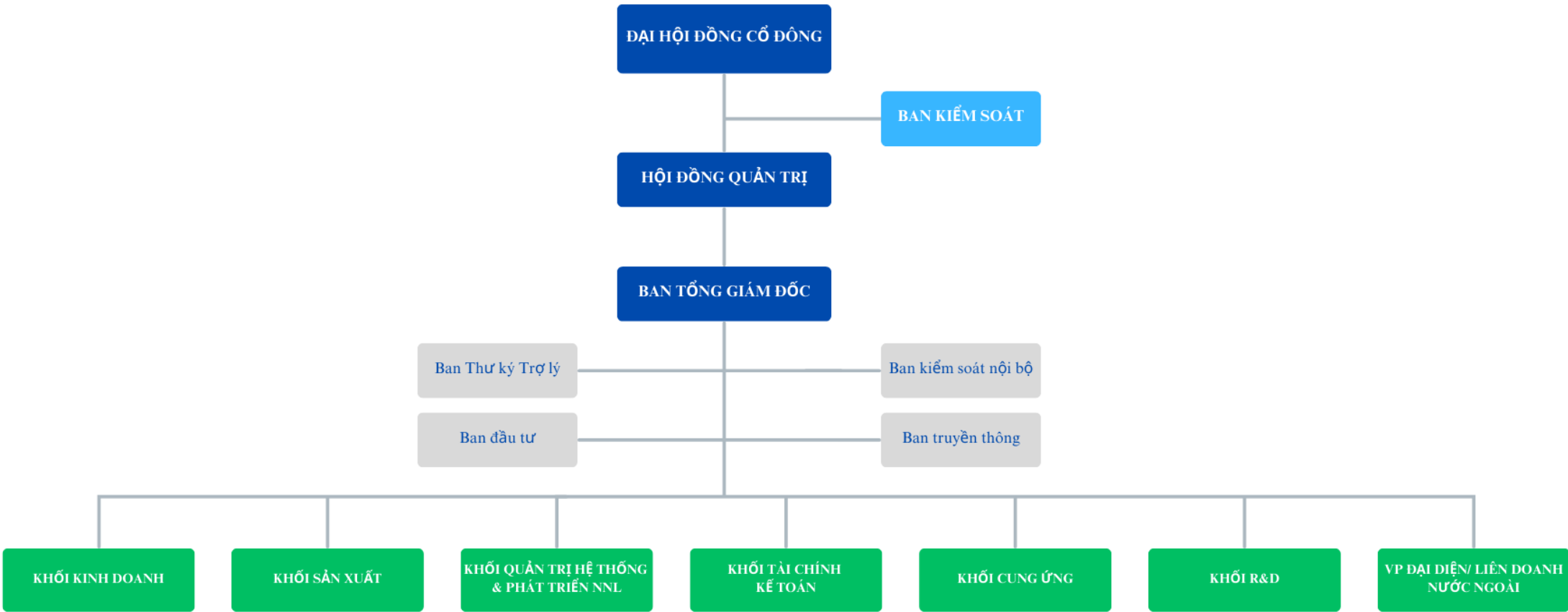
Chuỗi khai thác – chế biến sâu – sản xuất sản phẩm đầu cuối



Khởi đầu từ nhà máy khai thác, chế biến khoáng sản, Nhựa Pha Lê định hướng và xây dựng chuỗi khai thác – chế biến sâu – sản xuất sản phẩm đầu cuối, khai thác tối ưu giá trị nguồn tài nguyên khoáng sản thiên nhiên. Với định hướng phát triển các sản phẩm từ tài nguyên sẵn có - Mỏ đá CaCO₃, trong giai đoạn đầu, công ty đẩy mạnh khai thác đá, bột đá tại mỏ và phát triển sản xuất cho sản phẩm hạt nhựa phụ gia Filler MaterBatch - là nguyên liệu phục vụ cho sản xuất ngành công nghiệp nhựa, với tỷ trọng cấu thành lớn từ bột đá CaCO₃. Bởi là sản phẩm trung gian trong quá trình sản xuất thành phẩm nhựa nên biên lợi nhuận sản phẩm cũng không đạt giá trị lớn, và thị trường hạt nhựa phụ gia cũng bước vào giai đoạn bão hòa nên việc dịch chuyển, mở rộng sản xuất sản phẩm mới là điều tất yếu cho sự phát triển của công ty.

PLP luôn không ngừng nghiên cứu và phát triển những sản phẩm đầu cuối và giai đoạn 3 năm vừa qua PLP đã có những bước tiến trong sản xuất sản phẩm ván sàn công nghệ SPC và phụ kiện phào nẹp SPC (với trên 75% thành phần cấu thành là bột đá CaCO₃) - đây cũng là sản phẩm xu thế mới, nhiều ưu việt và tiềm năng lớn trong lĩnh vực ván lát sàn. Trong giai đoạn tới, các sản phẩm ván lát sàn công nghệ cao SPC và phụ kiện đi kèm sẽ là trọng tâm phát triển sản xuất của Nhựa Pha Lê.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BAN TGD**❖ Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị****1. Ông Mai Thanh Phương - Chủ tịch HĐQT**

- + **Ngày bổ nhiệm:** 02/2014
- + **Học vấn :** Kỹ sư ngành Địa chất; Cử nhân Kinh tế
- + **Kinh nghiệm:** 30 năm kinh nghiệm quản trị sản xuất, khai thác khoáng sản và đầu tư
- + **Sở hữu :** 14.760.000 cổ phiếu PLP (21,09 %)
- + **Kiểm nhiệm:**
 - Phó chủ tịch HĐQT– Công ty Cổ phần Tổng công ty công trình đường sắt (RCC)
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Neo Floor

2. Ông Lê Thạc Tuấn - Thành viên HĐQT độc lập

- + **Ngày bổ nhiệm:** 04/ 2017
- + **Học vấn:** Kỹ sư xây dựng mỏ; Cử nhân kinh tế
- + **Kinh nghiệm :** 30 năm kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp sản xuất, khai thác khoáng sản
- + **Sở hữu:** 0 cổ phiếu PLP (0%)
- + **Kiểm nhiệm:**
 - Chủ tịch HĐQT - CTCP Cơ điện lạnh Hoàn Kiếm

3. Bà Trần Hải Yến - Thành viên HĐQT

- + **Ngày bổ nhiệm:** 11/2021
- + **Học vấn:** Cử nhân quản trị kinh doanh
- + **Kinh nghiệm :** 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh
- + **Sở hữu:** 266.640 cổ phiếu PLP (0,38%)
- + **Kiểm nhiệm:**
 - Tổng giám đốc - Công ty CP Thương mại và Du lịch Tân Việt An

4. Ông Cao Văn Thọ - Thành viên HĐQT

- + **Ngày bổ nhiệm:** 06/2023
- + **Học vấn:** Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Marketing
- + **Kinh nghiệm :** 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị tài chính
- + **Sở hữu:** 200.000 cổ phiếu PLP (0,29%)
- + **Kiểm nhiệm:**
 - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư PLG Việt Nam
 - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An

❖ **Danh sách Thành viên Ban Kiểm Soát**

1. Ông Đinh Đức Tuấn – Trưởng Ban kiểm soát

- + **Ngày bổ nhiệm:** 04/2018
- + **Học vấn:** Kỹ sư Xây dựng mỏ; Cử nhân tài chính – ngân hàng; Cử nhân kinh tế đối ngoại
- + **Kinh nghiệm:** 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, quản trị và đầu tư
- + **Sở hữu:** 0 cổ phiếu PLP (0%)
- + **Kiểm nhiệm :** Không

2. Bà Vũ Ngọc Thúy - Thành viên Ban kiểm soát

- + **Ngày bổ nhiệm:** 04/2017
- + **Học vấn:** Cử nhân kế toán
- + **Kinh nghiệm:** 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kiểm toán
- + **Sở hữu:** 0 cổ phiếu PLP (0%)
- + **Kiểm nhiệm:**
 - Kiểm toán viên - Công ty TNHH Mazars Việt Nam, Hà Nội

3. Bà Mai Thị Thanh Hoa - Thành viên Ban kiểm soát

- + **Ngày bổ nhiệm:** 04/ 2018
- + **Học vấn:** Cử nhân ngành Thương mại- Ngoại thương
- + **Kinh nghiệm:** 19 năm kinh nghiệm quản trị kinh doanh
- + **Sở hữu:** 0 cổ phiếu PLP (0%)
- + **Kiểm nhiệm:** Không

❖ **Danh sách Thành viên Ban Tổng Giám Đốc**

1. Bà Trần Hải Yến –Tổng Giám đốc

- + **Ngày bổ nhiệm:** 08/2020
- + **Học vấn:** Cử nhân quản trị kinh doanh
- + **Kinh nghiệm:** 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh

+ **Sở hữu :** 266.640 cổ phiếu PLP (0,38%)

2. Ông Nguyễn Thanh Bình - Phó Tổng Giám đốc

+ **Ngày bổ nhiệm:** 05/2021

+ **Học vấn:** Cử nhân kinh tế

+ **Kinh nghiệm:** 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất

+ **Sở hữu:** 0 cổ phiếu PLP (0 %)

3. Ông Phạm Xuân Trí – Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

+ **Ngày bổ nhiệm:** 05/2021

+ **Học vấn:** Thạc sĩ kinh tế

+ **Kinh nghiệm:** 9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán

+ **Sở hữu:** 0 cổ phiếu PLP (0 %)

❖ Những thay đổi trong Ban lãnh đạo

Trong năm 2024, công ty không có thay đổi nhân sự Ban lãnh đạo.

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

❖ Định hướng phát triển của doanh nghiệp

- ✓ Trở thành doanh nghiệp tiên phong, đi đầu trong ứng dụng khoa học công nghệ vật liệu để chuyển hóa tài nguyên khoáng sản Việt Nam thành các sản phẩm tiêu dùng chất lượng cao được thị trường trong nước quốc tế thừa nhận;
- ✓ Thành công trong vận hành hoàn hảo toàn bộ chuỗi cung ứng thông qua ứng dụng mô hình quản lý 5S, sản xuất tinh gọn tiết kiệm, ứng dụng tự động hóa công nghệ hiện đại;
- ✓ Lọt TOP 100 công ty có nơi làm việc hạnh phúc nhất Việt Nam.

❖ Mục tiêu chiến lược 3 năm tới:

- ✓ SK27945 – Phát triển song song 2 trụ cột ”Sản xuất – Kinh doanh”. Mục tiêu đến năm 2027 đạt mức doanh thu xuất khẩu 9.000 tỷ đồng và sản lượng vật liệu sản 45 triệu m²
- ✓ Top 10 nhà sản xuất sản phẩm SPC trên toàn cầu
- ✓ Triển khai mô hình quản lý 5S cho toàn bộ hệ thống nhân viên khối văn phòng và toàn bộ các nhà máy ở mức độ 100%
- ✓ Triển khai hệ thống quản trị năng lực nhân viên để áp dụng các chương trình đào tạo, huấn luyện nâng cao năng lực và phát triển sự nghiệp cho 100% nhân viên



PHẦN II

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

BỐI CẢNH KINH TẾ VĨ MÔ

Bối cảnh kinh tế toàn cầu năm 2024

Bối cảnh kinh tế thế giới năm 2024 ghi nhận nhiều chuyển biến quan trọng, ảnh hưởng sâu rộng đến các nền kinh tế, bao gồm cả Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu tiếp tục chịu tác động từ những yếu tố như chính sách tiền tệ thắt chặt tại các nền kinh tế lớn, bất ổn địa chính trị, và biến đổi khí hậu.

Kinh tế Mỹ vẫn duy trì đà tăng trưởng nhưng với tốc độ chậm lại do chính sách lãi suất cao của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) nhằm kiểm soát lạm phát. Khu vực Eurozone chứng kiến sự suy giảm trong sản xuất công nghiệp và nhu cầu tiêu dùng, trong khi Trung Quốc – nền kinh tế lớn thứ hai thế giới – đang trong quá trình điều chỉnh sau giai đoạn tăng trưởng thấp vào năm 2023. Các chính sách hỗ trợ kinh tế của Bắc Kinh tập trung vào thúc đẩy tiêu dùng nội địa và đầu tư công, nhưng vẫn gặp khó khăn trong việc khôi phục niềm tin của nhà đầu tư.

Giá năng lượng và nguyên vật liệu trên thế giới tiếp tục biến động, đặc biệt là dầu mỏ và khí đốt do những căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông và chiến sự Nga – Ukraine kéo dài. Điều này ảnh hưởng lớn đến chi phí sản xuất và vận chuyển hàng hóa, tạo áp lực lên chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh đó, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng khỏi Trung Quốc đã mang lại cơ hội cho các nước Đông Nam Á, trong đó Việt Nam là một điểm đến quan trọng của các doanh nghiệp quốc tế.

Nhìn về tương lai, kinh tế thế giới năm 2024 vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro nhưng cũng mở ra cơ hội cho các nền kinh tế đang phát triển. Việt Nam, với vị thế là một nền kinh tế năng động và cởi mở, có thể tận dụng tốt xu hướng dịch chuyển đầu tư, mở rộng thị trường xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh để tiếp tục phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

Bối cảnh kinh tế Việt Nam năm 2024

Đối với nền kinh tế Việt Nam, năm 2024 tiếp tục đà phục hồi mạnh mẽ sau những biến động của giai đoạn trước, đạt được mức tăng trưởng 7,09% GDP, mức cao nhất trong hai năm qua. Thành tựu này có được nhờ sự đóng góp quan trọng từ khu vực công nghiệp, dịch vụ và xuất khẩu, bên cạnh sự ổn định của lạm phát và dòng vốn đầu tư nước ngoài.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2024 đạt 405,5 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước, trong khi nhập khẩu đạt 380,76 tỷ USD, giúp Việt Nam tiếp tục xuất siêu 24,77 tỷ USD. Đặc biệt, ngành dịch vụ cũng chứng kiến sự tăng trưởng ấn tượng với doanh thu từ xuất khẩu dịch vụ đạt 23,85 tỷ USD, tăng 17,7%. Đây là những tín hiệu tích cực cho thấy khả năng cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trên thị trường quốc tế vẫn rất vững vàng.

Bên cạnh đó, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục là điểm sáng với mức giải ngân đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước. Việt Nam tiếp tục nằm trong nhóm 15 quốc gia đang phát triển thu hút nhiều FDI nhất thế giới, cho thấy niềm tin của các nhà đầu tư quốc tế

vào môi trường kinh doanh và triển vọng kinh tế của đất nước.

Về ổn định kinh tế vĩ mô, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2024 chỉ tăng 3,45%, cho thấy chính sách điều hành lạm phát của Chính phủ đạt hiệu quả. Giá cả hàng hóa thiết yếu không có biến động lớn, giúp duy trì sức mua của người tiêu dùng và đảm bảo đời sống ổn định.

Khu vực công nghiệp và xây dựng tiếp tục đóng vai trò động lực khi chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 8,4%, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 9,6%. Các ngành dịch vụ cũng tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt là du lịch với 17,6 triệu lượt khách quốc tế, tăng 39,5% so với năm trước, đóng góp lớn vào tổng doanh thu dịch vụ.

Dù đạt được nhiều thành tựu, nền kinh tế Việt Nam vẫn phải đối mặt với một số thách thức, đặc biệt là tác động từ thiên tai và biến động kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, với chính sách điều hành linh hoạt cùng sự phục hồi mạnh mẽ của các ngành kinh tế trọng điểm, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 đạt tới 8,0% nếu các yếu tố thuận lợi được tận dụng tối đa.

Nhìn chung, bối cảnh kinh tế vĩ mô năm 2024 của Việt Nam phản ánh một nền kinh tế đang trên đà phát triển ổn định, có khả năng thích ứng cao với những biến động toàn cầu. Sự kết hợp giữa tăng trưởng bền vững, thu hút đầu tư mạnh mẽ và kiểm soát tốt lạm phát tạo tiền đề vững chắc cho những bước tiến tiếp theo của nền kinh tế trong các năm tới.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG VÁN LÁT SÀN SPC**Thị trường Ván sàn SPC thế giới và Việt Nam**

Giai đoạn 2015 – 2016 đánh dấu sự ra đời của ván sàn SPC, một loại ván lát sàn mới thay thế cho các loại vật liệu lát nền cũ trên thị trường. Ván sàn SPC đã có sự tác động mạnh mẽ ngay lập tức thay đổi xu hướng tiêu dùng trên toàn cầu vì loại sản phẩm này sở hữu những tính năng vượt trội hơn hẳn các loại ván sàn thông thường như: có tuổi thọ cao, lắp đặt dễ dàng, tốt cho sức khỏe con người, thân thiện với môi trường, không bắt cháy, không sợ nước hay mối mọt... Do đó, không chỉ người tiêu dùng mà các nhà phân phối vật liệu xây dựng lớn, các thương hiệu bán lẻ trên thế giới đều tìm kiếm những nguồn cung cấp những mặt hàng này từ các nhà sản xuất quy mô lớn trên phạm vi toàn cầu.

Sự tăng trưởng mạnh mẽ của sàn SPC

Năm 2019 là năm chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ của sàn đá công nghệ SPC vào thị trường ván sàn Việt Nam. Sự hấp dẫn của loại ván sàn này phần lớn nằm ở khả năng chịu nước tuyệt đối bởi tính chất vật lý của nhựa giúp sàn có khả năng chống trọi với khí hậu nóng ẩm Việt Nam, điều mà các dòng sàn truyền thống khó đáp ứng được. Cũng chính vì điều này mà sàn đá công nghệ SPC đã nhanh chóng chiếm trọn chỗ đứng khi vừa mới du nhập vào thị trường.

Hiện nay SPC đang tăng trưởng mạnh mẽ về giá trị doanh thu và chiếm thị phần từ hầu hết các sản phẩm cạnh tranh khác. Trung Quốc vẫn đang giữ hạng đầu là quốc gia thống trị trong xuất khẩu SPC. Mỹ vẫn là thị trường nhập khẩu hàng đầu cho mặt hàng ván sàn SPC. Trong 3 năm từ 2019-2021 tăng trưởng của các vật liệu sàn LVT, SPC bình quân đạt trên 30%/năm, và chiếm thị phần lớn số 2 trong các vật liệu sàn được tiêu thụ tại Mỹ: 21.5% thị phần vào năm 2021, tương đương 7.25 tỷ USD. Xu hướng này vẫn duy trì đến hiện tại và lan rộng tới nhiều nước trên thế giới bởi các sản phẩm ván sàn SPC có những ưu thế rõ rệt trên thị trường: Chống thấm nước, chống cháy lan, tính thẩm mỹ và độ bền cao gấp nhiều lần so với các loại sàn hiện tại, thân thiện môi trường, an toàn sức khỏe và dễ lắp đặt,... đặc biệt phù hợp với thời tiết nóng ẩm như Việt Nam. Thị trường ván sàn SPC vẫn còn tiềm năng phát triển lớn trong tương lai.

Lợi thế và xu thế phát triển

 *Xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc của các nhà sản xuất đang ngày càng trở nên rõ rệt và Việt Nam là một trong những quốc gia có lợi thế trong việc đón nhận làn sóng đầu tư dịch chuyển này*

Thực tế cho thấy chỉ phụ thuộc vào hoạt động sản xuất ở Trung Quốc không còn được xem là giải pháp an toàn nhất đối với các nhà sản xuất. Bởi vì thế là “công xưởng của thế giới” của Trung Quốc không còn mạnh như trước đây:

- Chi phí sản xuất tăng cao ở Trung Quốc. Tiền lương sản xuất ở Trung Quốc đã tăng từ 2,0 USD/giờ trong năm 2010 lên 3,9 USD/giờ trong năm 2016. Mức lương này là khá cao khi so sánh với tiền lương sản xuất trung bình ở Việt Nam, chỉ gần 1 - 1,4 USD/giờ. Chi phí sử dụng bất động sản công nghiệp tại Trung Quốc cũng tăng mạnh sau quá trình phát triển liên tục của nền kinh tế và mức sống dân cư. Như một hệ quả tất yếu, các nhà đầu tư nước ngoài tìm kiếm những địa điểm đầu tư tiết kiệm chi phí hơn sẽ xem Việt Nam là một lựa chọn thay thế trong nỗ lực cắt giảm chi phí.

- Trung Quốc thay đổi định hướng phát triển công nghiệp. Sau một thời gian dài có tốc độ tăng trưởng cao trên 8%, Trung Quốc đang dịch chuyển lên trong chuỗi giá trị và tiến hành cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng gia tăng tiêu thụ nội địa, tập trung phát triển dịch vụ và xuất khẩu mặt hàng có giá trị cao hơn. Điều này đã định hướng lại dòng vốn đầu tư nước ngoài đối với các ngành dựa trên cơ sở lao động, đất đai và các yếu tố khác.

- Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và dịch Covid-19 thúc đẩy quá trình diễn ra nhanh hơn. Bất đồng ngày càng sâu sắc giữa Mỹ và Trung Quốc đang xói mòn mối quan hệ giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới, khiến hàng hoá Trung Quốc chỉ còn chiếm tỷ trọng nhỏ nhất trong nhập khẩu của Mỹ trong vòng 20 năm trở lại đây. Sự dịch chuyển bắt đầu diễn ra vào năm 2018, khi chính quyền Tổng thống Donald Trump khi đó áp thuế quan lên hàng hoá Trung Quốc. Trong suốt đại dịch Covid-19, tình trạng khan hiếm những mặt hàng như khẩu trang và linh kiện bán dẫn đã khiến các công ty phải đánh giá lại chuỗi cung ứng của mình. Giờ đây, câu chuyện đã trở nên rõ ràng đối với các công ty, rằng xung đột về thương mại, công nghệ và các vấn đề khác giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ không sớm được giải quyết. Các công ty bắt đầu phải tìm cách để giảm bớt rủi ro khi đầu tư vào Trung Quốc.

Việt Nam đang trở thành một trong những điểm dừng chân hấp dẫn nhất của các nhà đầu tư khi dịch chuyển khỏi Trung Quốc.

- Với vị trí chiến lược quan trọng, tiếp giáp với Trung Quốc, nơi cung ứng nguồn hàng hóa, nguyên liệu quy mô lớn và là một thị trường lớn, Việt Nam có điều kiện để nhà đầu tư tiết giảm chi phí vận chuyển và kết nối ổn định chuỗi cung ứng tại Trung Quốc. Do đó, Việt Nam được đánh giá là lựa chọn hàng đầu ở khu vực

ASEAN trong xu hướng này.

- Đáng chú ý, 15 Hiệp định thương mại tự do (FTAs) đang có hiệu lực với hàng hóa sản xuất của Việt Nam vào các thị trường này thuế suất bằng 0 hoặc rất thấp sẽ là cơ hội rất lớn cho các nhà đầu tư tại Việt Nam. Ngay cả các nhà đầu tư Trung Quốc cũng đang tăng tốc dịch chuyển đến Việt Nam trong những năm gần đây nhất là từ khi bắt đầu cuộc chiến thương mại Mỹ – Trung năm 2018.
- Cùng với chi phí nhân công rẻ, sự ổn định về môi trường chính trị – xã hội, vĩ mô... các yếu tố này của Việt Nam đã được các doanh nghiệp nhận ra, tìm kiếm cơ hội để mở rộng quy mô sản xuất, nhằm giữ vững con đường xuất khẩu vào thị trường số 1 thế giới tại Mỹ.

 Lĩnh vực vật liệu xây dựng cũng không nằm ngoài xu thế dịch chuyển, đặc biệt là đối với sản phẩm SPC

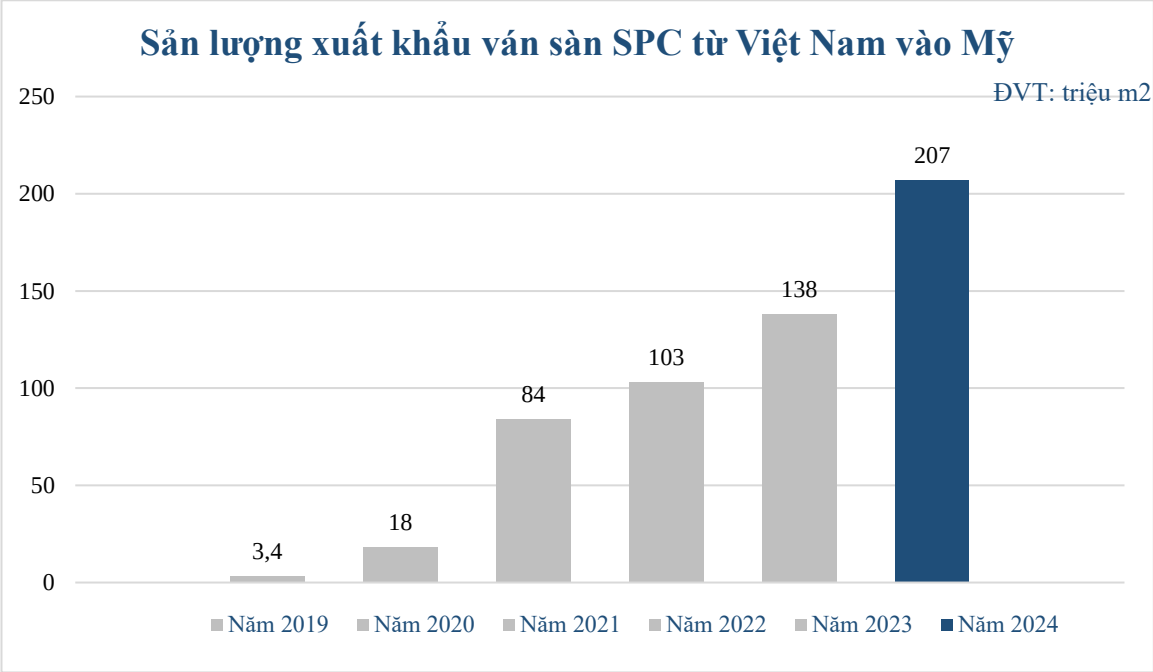
Trong nhiều năm qua, Mỹ đang nỗ lực thúc đẩy chuỗi cung ứng và sản xuất rời khỏi Trung Quốc thông qua việc sử dụng các ưu đãi thuế và chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp dịch chuyển. Bên cạnh đó, các cơ quan của Hoa Kỳ cũng đang nghiên cứu để xác định các lĩnh vực quan trọng, những điểm “thắt cổ chai”, xem xét ngành chế tạo nào được coi là “thiết yếu” và làm thế nào để sản xuất những hàng hóa này bên ngoài Trung Quốc. Trong các lĩnh vực được lựa chọn, lĩnh vực vật liệu xây dựng được xem là một trong các lĩnh vực quan trọng cần giảm sự phụ thuộc khỏi quốc gia đông dân thứ 2 thế giới. Thực tế hiện nay, rất nhiều mặt hàng trong lĩnh vực vật liệu xây dựng của Trung Quốc đang được áp mức thuế nhập khẩu rất cao khi bán vào Mỹ, điển hình như sản phẩm nhôm, thép, gạch, ván sàn, ...

Mức chênh lệch thuế quá lớn, từ 25-30%, khiến cho khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Trung Quốc không còn được duy trì như trước đây. Thực tế, xu thế sử dụng các sản phẩm non-China cũng đang lan rộng trong mong muốn của người tiêu dùng tại Mỹ. Thời gian qua, một loạt các chuỗi siêu thị cung cấp vật liệu xây dựng lớn nhất tại Mỹ như Lowe’s, Floor and Décor đã tổ chức hội nghị với các nhà cung cấp và công bố kế hoạch tách rời chuỗi cung ứng hoàn toàn khỏi thị trường Trung Quốc. Điều này thúc đẩy một cuộc dịch chuyển mạnh mẽ khỏi Trung Quốc vốn đã manh nha từ thời điểm dịch Covid-19 bùng phát. Xu hướng này dự kiến sẽ còn tiếp tục trong nhiều năm tới cho đến khi thị trường toàn cầu tìm được những điểm đến đủ lớn để thay thế cho khả năng cung ứng khổng lồ của quốc gia được coi là “công xưởng thế giới”.

Tình hình xuất khẩu

Thị trường xuất khẩu SPC từ Việt Nam kể từ 2019 đến nay liên tục tăng trưởng

mạnh (từ sản lượng xuất khẩu 3,4 triệu m2 năm 2019 lên 207 triệu m2 trong năm 2024). Sản lượng ván sàn SPC xuất khẩu năm 2024 đạt 207 triệu m2, tăng 50% so với năm 2023, tương đương với giá trị xuất khẩu khoảng 1.545 triệu USD.



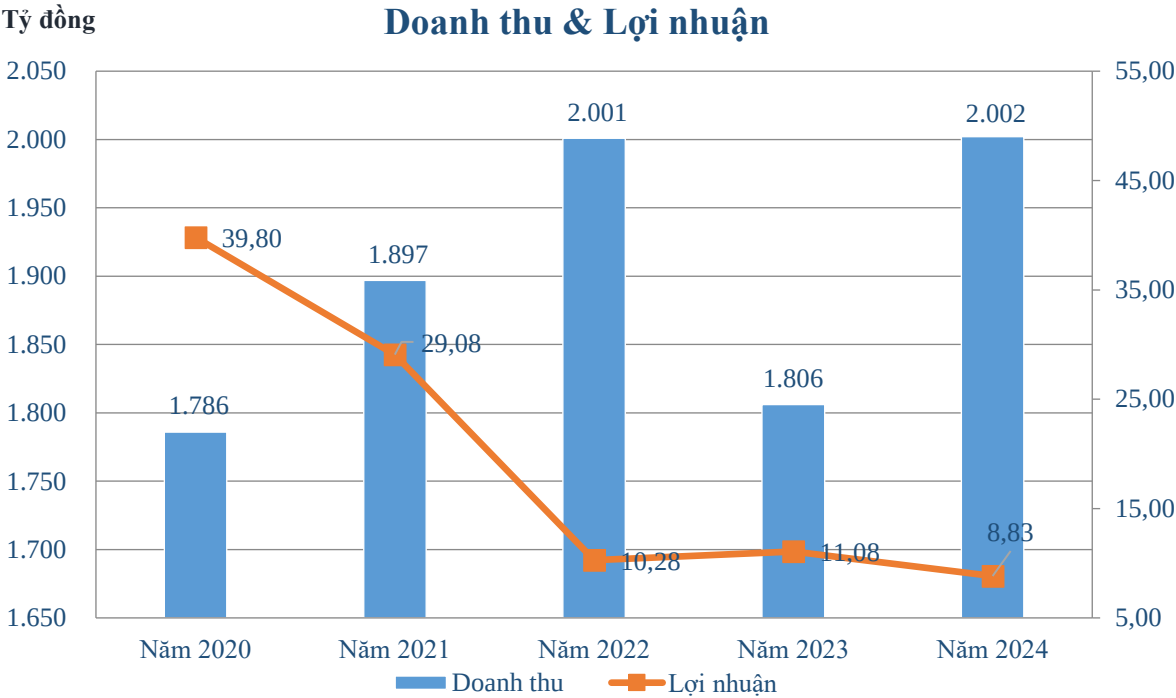
Tới thời điểm này sàn SPC vẫn là sản phẩm có thị phần tiêu thụ đứng thứ 2 ở Mỹ, sau vật liệu thảm. Đây sẽ là cơ hội vàng của các đơn vị sản xuất SPC ngoài Trung Quốc, được đánh giá là cơ hội không xuất hiện lại trong ít nhất 10 năm. Cho dù tổng nhu cầu tiêu thụ tại Mỹ không tăng trưởng, nhưng cơ hội hiện hữu nằm ở sản lượng xuất khẩu SPC cần chuyển dịch ra khỏi Trung Quốc do chiến tranh thương mại Mỹ – Trung. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với những nhà sản xuất ván sàn SPC Việt Nam, các doanh nghiệp phải thích ứng nhanh với thị trường, hoàn thiện và minh bạch chuỗi cung ứng và đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất liên tục, hiệu quả.

PHẦN III

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2024



ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Năm 2024, kinh tế toàn cầu ghi nhận nhiều điểm nổi bật với sự phục hồi tích cực nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Mặc dù tăng trưởng kinh tế thế giới chững lại do chính sách tiền tệ thắt chặt và bất ổn địa chính trị, một số nền kinh tế mới nổi như Việt Nam vẫn duy trì được đà tăng trưởng ấn tượng. Đó là dấu ấn của một năm Chính phủ đã chủ động, linh hoạt trong điều hành chính sách vĩ mô, lạm phát cơ bản được kiểm soát, sản xuất phục hồi ấn tượng, đầu tư nước ngoài khởi sắc. Bản thân các doanh nghiệp cũng phải có những thích ứng nhanh với môi trường kinh doanh, tái cơ cấu hoạt động và tận dụng cơ hội từ thị trường để có những bước phát triển trong hoạt động kinh doanh. Trên tinh thần ấy, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBNV Nhựa Pha Lê luôn đồng lòng, nỗ lực với mục tiêu thay đổi và chuẩn bị vươn mình trong hoạt động kinh doanh. Doanh thu thuần năm 2024 công ty đạt 2.002 tỷ đồng, tăng 10,88% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế đạt 8,83 tỷ đồng, giảm 20,34% so với năm 2023, nguyên nhân do trong năm 2024, Công ty tiến hành cải tạo, nâng cấp nhà máy do vậy trong kỳ phát sinh thêm một số chi phí. Mặc dù công ty vẫn nỗ lực duy trì hoạt động, doanh thu kinh doanh tốt hơn cùng kỳ năm trước, tuy nhiên giá cả thị trường hàng hóa, nguyên vật liệu trong thời gian qua biến động mạnh khiến lợi nhuận giảm nhiều so với cùng kỳ.

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	Tỷ trọng		Thay đổi (%)
			2023	2024	
Tổng doanh thu	1.813.429	2.037.262	100,0%	100,00%	12,34%

Chỉ tiêu	2023	2024	Tỷ trọng		Thay đổi (%)
			2023	2024	
Doanh thu thuần về bán hàng	1.806.331	2.002.717	99,6%	99,99%	10,88%
Doanh thu tài chính	7.096	34.362	0,4%	1,72%	384,24%
Thu nhập khác	2	183	0,0%	0,01%	9050,00%
Tổng chi phí	1.769.111	2.028.411	100,0%	100,00%	14,66%
Giá vốn hàng bán	1.669.117	1.877.407	94,3%	92,56%	12,48%
Chi phí tài chính	65.768	58.128	3,9%	2,87%	-11,62%
Chi phí BH, QLDN	24.681	50.646	37,5%	2,50%	105,20%
Chi phí khác	9.545	42.230	38,7%	2,08%	342,43%
Lợi nhuận gộp	137.214	125.310			-8,68%
Lợi nhuận trước thuế	14.976	8.851			-40,90%
Thuế TNDN	3.897	25			-99,36%
Lợi nhuận sau thuế	11.079	8.826			-20,34%

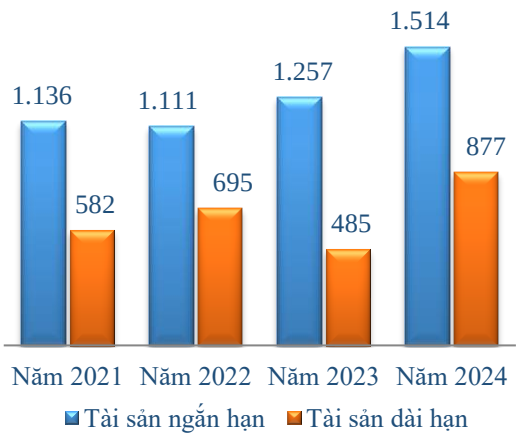
Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 về việc tái cấu trúc hoạt động Công ty, trong năm 2024, công ty đã tập trung nguồn lực thúc đẩy triển khai nhanh chóng việc nâng cấp, cải tạo nhà máy để mở rộng quy mô sản xuất đối với sản phẩm vật liệu ốp lát công nghệ cao. Trong quý IV đã chính thức vận hành dây chuyền sản xuất sản phẩm mới và trong năm 2025 tiếp tục lắp đặt chạy công suất tối đa là 11.000.000 m2/năm. Hiệu quả hoạt động kinh doanh sản phẩm mới chưa được phản ánh tại kết quả kinh doanh năm 2024. Dự kiến năm 2025 và những năm tiếp theo, mảng sản xuất kinh doanh ván lát sàn sẽ đem lại triển vọng lớn cho công ty.

Đvt: Triệu đồng

	2022	2023	2024
Doanh thu	2.001.288	1.806.342	2.002.868
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>1.259.251</i>	<i>987.956</i>	<i>308.404</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>742.036</i>	<i>818.343</i>	<i>1.687.543</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ và bán khác</i>	<i>-</i>	<i>42</i>	<i>6.885</i>
Giá vốn	1.775.315	1.669.117	1.877.407
<i>Thành phẩm</i>	<i>1.045.970</i>	<i>855.495</i>	<i>201.710</i>

	2022	2023	2024
Hàng hóa	729.344	813.621	1.672.584
Dịch vụ đã cung cấp và khác	-	-	3.112
Tỷ suất LN gộp	11,3%	7,6%	6,26%
Thành phẩm	16,9%	13,4%	34,60%
Hàng hóa	1,7%	0,6%	0,89%
Dịch vụ đã cung cấp	-	-	54,80%

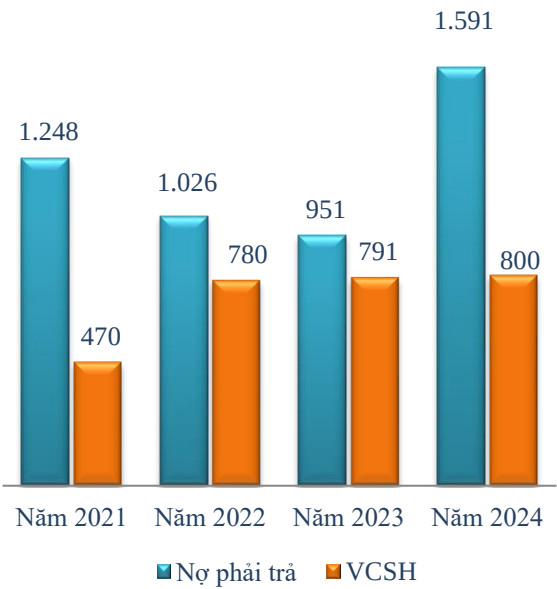
Cơ cấu tổng tài sản



Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện đầu tư cải tạo nhà máy, mở rộng quy mô sản xuất sản phẩm ván lát sàn. Nhờ vậy, tài sản ngắn hạn tăng hơn 256 tỷ đồng, tài sản dài hạn tăng 392 tỷ đồng so với năm 2023

Tổng tài sản của Công ty năm 2024 tăng 37% so với năm 2023.

Cơ cấu nguồn vốn



Nợ phải trả tăng 67% so với cùng kỳ năm trước. Chủ yếu phát sinh từ gia tăng khoản vay để tài trợ việc nâng cấp, cải tạo quy mô sản xuất của nhà máy. Bên cạnh đó, việc sản xuất sản phẩm mới bắt đầu vận hành từ quý IV. 2024, do vậy khoản mục phải trả người bán, nhà cung cấp cũng có sự gia tăng.

Trong năm 2024, công ty không thực hiện tăng vốn. Vốn chủ sở hữu năm 2024 không có nhiều biến động so với cùng kỳ năm 2023. Dự kiến trong năm 2025 công ty sẽ thực hiện tăng vốn thông qua hình thức chào bán cổ phần riêng lẻ.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 2024

Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc tái cấu trúc doanh nghiệp, Công ty đã đẩy mạnh việc rà soát đánh giá các dự án đầu tư và đưa ra lộ trình thích hợp cho từng dự án để đảm bảo hiệu quả trong từng giai đoạn phát triển.

❖ **Mở rộng sản xuất vật liệu ốp lát công nghệ cao – Hải Phòng**

- ✓ Trong năm 2024, Nhựa Pha Lê đã tập trung mọi nguồn lực để khẩn trương hoàn tất việc mở rộng quy mô sản xuất sản vật liệu ván sàn công nghệ cao. Đến quý IV năm 2024, công ty đã hoàn tất các hạng mục xây dựng hạ tầng và đưa vào vận hành 6 dây chuyền vật liệu ốp lát công nghệ cao với công suất 6,6 triệu m²/ năm. Trong năm 2025, công ty tiếp tục lắp đặt bổ sung thêm 4 dây chuyền nâng tổng công suất sản xuất vật liệu ốp lát lên 11 triệu m²/ năm, dự kiến sẽ hoàn thành trong Quý II.2025
- ✓ Sản phẩm ván sàn công nghệ cao được cấu thành từ Poly Vinyl Clorua (PVC) nguyên sinh và bột đá nano siêu mịn, có đặc tính ưu việt như chống cháy, chống mài mòn, trầy xước, chống trơn trượt, chịu nước, và độ ẩm 100%. Nhựa Pha Lê có lợi thế trong việc phát triển sản phẩm này nhờ sở hữu nguồn nguyên liệu đá CaCO₃ tại Nghệ An (bột đá chiếm trên 75% thành phần cấu thành ván sàn) và đã có nhiều kinh nghiệm trong việc vận hành, quản trị hệ thống nhà máy ván sàn tại các công ty con và công ty thành viên.

❖ **Dự án Khu nhà ở thương mại Cao Xanh Hà Khánh A**

- ✓ Góp vốn liên doanh tại Công ty CP Thương mại và Du lịch Tân Việt An.
- ✓ Liên doanh đã được Cấp phê duyệt TMB tỷ lệ 1/500 điều chỉnh nâng quy mô công trình. Dự án có quy mô tổng mức đầu tư gần 1,000 tỷ đồng, có vị trí đắc địa tại khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh A, gần cầu Cửa Lục 2 chuẩn bị xây dựng nối 2 bên bờ vịnh Cửa Lục. Dự án bao thực hiện trên lô đất rộng 3,500 m², bao gồm 1 tòa chung với tổng diện tích sàn xây dựng 50,000 m².
- ✓ Những năm gần đây, do tình hình kinh tế, tài chính và các chính sách liên quan trong lĩnh vực bất động sản chưa thuận lợi nên việc triển khai các dự án bất động sản nói chung trong giai đoạn này sẽ chưa thể phát huy được hiệu quả. Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã thông qua Luật Đất đai 2024 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025, đây là cơ sở khơi thông những vướng mắc trong lĩnh vực bất động sản trong thời gian qua. Công ty đang tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý cho dự án và theo dõi những diễn biến của thị trường bất động sản để đẩy mạnh việc triển khai dự án trong thời gian tới.

❖ **Mỏ đá Lèn Minh Cầm – Tuyên Hóa Quảng Bình**

- ✓ Góp vốn liên doanh tại Công ty cổ phần Khoáng sản Minh Cầm. Trong năm 2023, Nhựa Pha Lê đã thực hiện chuyển nhượng bớt cổ phần tại CTCP Khoáng sản Minh Cầm, sau chuyển nhượng tỷ lệ sở hữu còn lại là 45%.

- ✓ Công ty CP KS Minh Cầm đã hoàn tất thủ tục xin cấp giấy phép khai thác với tổng diện tích khai thác và khai trường là 4 hecta , Trữ lượng địa chất là 1,348,068 m³, thời hạn khai thác đến tháng 6/ 2043.
- ✓ Hiện dự án đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý và đang trong quá trình đánh giá các phương án đầu tư phù hợp mục tiêu phát triển trong giai đoạn tới.
- ❖ **Mỏ nước khoáng Quang Hanh – Quảng Ninh**
- ✓ Mỏ nước khoáng với diện tích gần 1.200 m² tọa lạc tại Phường Quang Hanh, TP. Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, với trữ lượng khai thác tới 1.100m³/ ngày và độ sâu 160m.
- ✓ Hiện dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục pháp lý và được đánh giá thận trọng tính khả thi cho phương án kinh doanh sản phẩm.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,34	1,27
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,03	0,96
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Nợ/Tổng tài sản	%	54,60%	66,54%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	120,27%	198,88%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	lần	5,92	5,74
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	1,02	0,97
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,61%	0,44%
Lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	1,41%	1,11%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,63%	0,39%
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	1,36%	2,54%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/ cổ phiếu)		158	126

Nguồn: tính toán từ BCTC kiểm toán năm 2024

Năm 2024, công ty bước vào giai đoạn đầu tư chiến lược với việc triển khai cải tạo, nâng cấp xây dựng nhà máy sản xuất sản phẩm mới, nhằm mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực sản xuất trong trung và dài hạn. Điều này dẫn đến những biến động nhất định trong các chỉ tiêu tài chính, đặc biệt là cơ cấu vốn, khả năng thanh khoản và khả năng sinh lời

Các chỉ số về cơ cấu vốn tăng cao do nhu cầu vốn lớn cho giai đoạn đầu tư được đáp ứng chủ yếu bằng vay trung và dài hạn. Tuy nhiên, đây là một chiến lược tài chính có kiểm soát, nhằm tối ưu chi phí sử dụng vốn và bảo toàn tỷ lệ sở hữu cổ đông hiện hữu. Dây chuyền sản xuất mới chính thức vận hành từ cuối quý IV.2024, cho nên doanh thu, lợi nhuận chưa được phản ánh trong kỳ dẫn đến các chỉ số về khả năng sinh lời còn thấp. Tuy nhiên điểm tích cực là biên lợi nhuận hoạt động SXKD tăng, cho thấy hiệu quả nội tại đang được cải thiện, và triển vọng từ năm 2025 khi sản xuất sản phẩm ván lát sàn đi vào hoạt động ổn định thì các chỉ tiêu về hiệu quả tài sản, sinh lời và thanh khoản sẽ được cải thiện rõ rệt.

Tình hình công nợ phải thu

Đơn vị: đồng		
KHOẢN MỤC	31/12/2023	31/12/2024
Phải thu ngắn hạn	893.487.768.596	998.826.186.468
Phải thu khách hàng	532.176.185.596	606.874.837.258
Trả trước cho người bán	101.695.490.531	148.865.426.336
Phải thu về cho vay	10.600.000.000	7.200.000.000
Phải thu khác	253.086.202.232	240.459.108.297
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.070.109.763)	(4.573.185.423)
Phải thu dài hạn	2.752.044.340	13.428.913.877
Phải thu khác	2.752.044.340	13.428.913.877
Tổng cộng	896.239.812.936	1.012.255.100.345

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024)

Giá trị các khoản phải thu của Nhựa Pha Lê năm 2024 tăng 13% so với năm 2023. Sự gia tăng công nợ phải thu trong năm 2024 là hệ quả tự nhiên từ chiến lược đầu tư mở rộng và thúc đẩy bán hàng trong giai đoạn đầu xúc tiến sản phẩm mới. Tuy nhiên, Công ty đã và đang áp dụng nhiều biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng, đảm bảo dòng tiền vận hành ổn định và minh bạch tài chính trong thời gian này.

Tình hình công nợ phải trả

Đơn vị: VNĐ

KHOẢN MỤC	31/12/2023	31/12/2024
Tổng nợ ngắn hạn	937.987.975.719	1.196.801.015.971
Phải trả người bán	99.166.783.716	170.476.484.004
Người mua trả tiền trước	117.552.912.451	202.015.171.831
Thuế và các khoản phải nộp NN	3.804.545.984	2.051.635.257
Phải trả người lao động	1.103.492.342	4.984.989.673
Chi phí phải trả	2.023.934.853	4.159.222.530
Phải trả phải nộp khác	5.582.033.805	6.011.992.398
Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	704.211.401.580	802.667.018.290
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.542.870.988	4.434.501.988
Tổng nợ dài hạn	13.924.050.941	394.897.711.095
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.724.970.000	394.897.711.095
Tổng cộng	951.912.026.660	1.591.698.727.066

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024)

Nợ phải trả tăng 67% so với cùng kỳ năm 2023. Tình hình công nợ phải trả trong năm 2024 có sự gia tăng rõ rệt do chiến lược đầu tư mở rộng quy mô sản xuất của Công ty. Sự tăng trưởng này phục vụ cho mục tiêu tái cấu trúc hoạt động của công ty, nằm trong kế hoạch tài chính đã được phê duyệt, đồng thời thể hiện việc Công ty chủ động cân đối nguồn vốn và tận dụng hiệu quả các chính sách tín dụng nhằm đảm bảo tăng trưởng bền vững trong các năm tới.



PHẦN IV

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I./ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê năm 2024 có 4 thành viên. Danh sách thành viên HĐQT như sau:

STT	Họ và tên	Ghi chú
1	Mai Thanh Phương	Thành viên HĐQT điều hành
2	Trần Hải Yến	
3	Cao Văn Thọ	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Lê Thạc Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập

- HĐQT đã tuân thủ nghiêm túc và thực hiện đầy đủ công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, giám sát Ban TGD thực hiện tốt và kịp thời những yêu cầu của cổ đông như tổ chức, phân công HĐQT, tổ chức họp định kỳ các cuộc họp HĐQT, tương tác thường xuyên với Ban kiểm soát, tiếp xúc và thông tin định kỳ với Nhà đầu tư.
- Trong năm 2024, HĐQT Công ty đã tổ chức 08 buổi họp. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ.
- HĐQT tiếp nhận các ý kiến đề xuất của BTGD, chất vấn đề làm rõ và đáp ứng kịp thời những nhu cầu về nguồn nhân lực, sự thay đổi chính sách kinh doanh, nhu cầu đầu tư mở rộng, chính sách với người lao động nhằm tạo động lực phát triển tốt nhất cho Công ty.
- HĐQT Công ty hiện có 01 thành viên độc lập là ông Lê Thạc Tuấn. Thành viên HĐQT độc lập tham gia đầy đủ các phiên họp và đưa ra những ý kiến đóng góp quan trọng vào chiến lược phát triển và hoạt động của Công ty; chủ động trao đổi về các chỉ tiêu kinh doanh, các định hướng phát triển trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra các đề xuất, giải pháp phù hợp. Bên cạnh đó, thành viên HĐQT độc lập có nhiều

năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, quản trị, đã đóng góp vai trò quan trọng trong hoạt động quản trị của Công ty.

II./ Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

- Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục quá trình phục hồi chậm và không đồng đều, liên tục được cải thiện về cuối năm. Nhiều rủi ro kéo dài với các chuỗi cung ứng và giá cả hàng hóa quốc tế, mặc dù mặt bằng lạm phát toàn cầu đã có những bước cải thiện đáng kể so với năm 2023. Nhiều nền kinh tế lớn đã bắt đầu quá trình cắt giảm lãi suất, giúp nới lỏng các điều kiện tài chính. Tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu hiện giảm dần, thậm chí xuất hiện tình trạng thiếu lao động tại nhiều nơi ... Tình trạng căng thẳng trong thương mại quốc tế, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc, Nga và phương Tây đang và sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng tiêu cực lên tăng trưởng kinh tế toàn cầu.
- Bên cạnh đó, kinh tế Việt Nam năm 2024 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ấn tượng, bất chấp những thách thức từ bối cảnh toàn cầu. GDP tăng 7,09%, đưa quy mô nền kinh tế lên 476,3 tỷ USD, nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của sản xuất công nghiệp, thương mại và đầu tư. Đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục là điểm sáng khi tăng 9,4%, cho thấy niềm tin của nhà đầu tư vào môi trường kinh doanh ổn định của Việt Nam. Lạm phát được kiểm soát ở mức 3,45%, tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu dùng và đầu tư. Chính sách tiền tệ linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước cũng góp phần giữ ổn định thị trường tài chính và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với một số khó khăn, như tác động của bão Yagi – cơn bão mạnh nhất châu Á trong năm, gây thiệt hại lớn về kinh tế, ảnh hưởng đến hạ tầng và sản xuất nông nghiệp. Nhìn chung, Việt Nam tiếp tục thể hiện khả năng phục hồi mạnh mẽ và giữ vững vị thế là một trong những nền kinh tế phát triển năng động nhất khu vực. Dù còn nhiều thách thức, nhưng với chiến lược phát triển bền vững, chính sách kinh tế vĩ mô ổn định và sự tham gia tích cực vào chuỗi cung ứng toàn cầu, Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh trong những năm tới.
- Năm bắt được những khó khăn và thuận lợi trên, HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê đã chủ động nhận định, phân tích đúng tình hình, kịp thời đề ra các mục tiêu, linh hoạt đề ra các định hướng phù hợp với tình hình thực tế để vừa tối ưu hóa nguồn lực của mình, vừa tận dụng kịp thời và tối đa các cơ hội kinh

doanh mới được tạo ra do những thay đổi cả khách quan và chủ quan của môi trường kinh doanh.

- Trong năm 2024, HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ và đem lại hiệu quả cho Công ty. Các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, giám sát chiến lược, quản trị rủi ro, nhân sự và lương thưởng đã được thực thi mang tính toàn diện. Về phương diện cá nhân, các thành viên HĐQT đều đã chủ động và tích cực thực thi công việc thuộc trách nhiệm của mình một cách chuyên nghiệp, có đóng góp thiết thực và hiệu quả vào thành tích chung của doanh nghiệp.
- Năm 2024 đánh dấu sự chuyển mình của Công ty, trọng tâm là tái cấu trúc hoạt động thông qua xây dựng và phát triển mô hình sản xuất tấm lát sàn thế hệ mới, cơ cấu lại những lĩnh vực hoạt động chưa hiệu quả và ít tiềm năng. Công ty đã tập trung nguồn lực để nhanh chóng đưa vào hoạt động, sản xuất sản phẩm vật liệu ốp lát công nghệ cao với quy mô lên tới 11.000.000 m² sản phẩm/năm, dây chuyền sản xuất mới chính thức đi vào vận hành từ quý IV.2024. Hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cũ được duy trì ở quy mô hợp lý, công ty đã cân đối lại các nguồn lực để tập trung phát triển sản phẩm tiềm năng mới. Thời gian tới, Nhựa Pha Lê sẽ đẩy mạnh sản xuất dòng sản phẩm chủ lực mang lại nguồn lợi nhuận chính của Công ty.

2. **Đánh giá công tác đầu tư và tình hình thực hiện các dự án đầu tư**

Công ty định hướng phát triển các dự án đầu tư có trọng tâm, chia giai đoạn và thận trọng đánh giá có hội thị trường đảm bảo đầu tư có hiệu quả, không dàn trải.

Đẩy mạnh đầu tư mảng kinh doanh cốt lõi: công nghệ vật liệu ứng dụng trong lĩnh vực vật liệu xây dựng

- Trong năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc triển khai mở rộng sản xuất vật liệu ốp lát Công nghệ cao tại thành phố Hải Phòng với quy mô 11.000.000 m² /năm. Thời gian tới, Pha Lê sẽ đẩy mạnh quy mô kinh doanh vật liệu ốp lát sàn, với trọng tâm phát triển thị trường Mỹ. Với mục tiêu xuất khẩu sản phẩm sang Mỹ, Pha Lê đánh giá đây là thị trường tiêu thụ hàng đầu thế giới, tiềm năng lớn cùng với yêu cầu tiêu chuẩn sản phẩm cũng rất khắt khe. Tuy nhiên đây không phải lần đầu tiên Pha Lê xuất khẩu sản phẩm vào thị trường khó tính này. Công ty đã có hơn 4 năm nghiên cứu, gia nhập thị trường vật liệu ốp lát công nghệ mới, với khởi đầu là sản phẩm phụ kiện SPC (phào, nẹp). Nhựa Pha Lê có thuận lợi khi đã có một nền tảng quản trị sản xuất kinh doanh, kinh nghiệm dày dặn phát triển thị trường xuất khẩu và quản trị chuỗi cung ứng, kỹ thuật công nghệ tiên tiến, toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất được đầu tư công nghệ hiện đại, tối ưu sự

tự động hóa trong việc vận hành và dễ dàng tích hợp với những ứng dụng quản trị mới. Trong thời gian qua, Nhựa Pha Lê đã tích cực tham gia các chương trình hội chợ và các chuyên gặp gỡ trực tiếp các đối tác trên khắp nước Mỹ, nhằm mở ra nhiều mối quan hệ mật thiết với các khách hàng chiến lược.

Hoàn thiện pháp lý các dự án bất động sản

- Năm 2024 là một năm quan trọng đối với thị trường bất động sản Việt Nam nhờ sự thay đổi tích cực trong chính sách và hành lang pháp lý. Đặc biệt, từ ngày 1/8/2024, ba luật liên quan tới thị trường bất động sản là Luật Đất đai, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản chính thức có hiệu lực. Các chuyên gia kỳ vọng, các luật mới sẽ tác động tích cực, gỡ bỏ các rào cản pháp lý đã tồn tại từ lâu, tạo động lực mới thúc đẩy sự phục hồi và phát triển của thị trường bất động sản trong thời gian tới. Chính phủ đã chỉ đạo nói lỏng tín dụng đối với một số phân khúc bất động sản, đặc biệt là nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ và đẩy mạnh phát triển hạ tầng giao thông. Nhìn chung năm 2024 chứng kiến sự phục hồi tích cực của thị trường bất động sản nhờ những cải thiện về chính sách và tín dụng. Tuy nhiên, khả năng triển khai các dự án mới vẫn phụ thuộc vào việc thực thi chính sách của từng địa phương, cũng như khả năng thích ứng của doanh nghiệp.
- Trong năm 2024, dự án Khu chung cư (Nhà ở giá rẻ) tại ô đất TT1-KĐT Cao Xanh – Hà Khánh A, phường Cao Xanh, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đang hoàn thiện các vấn đề pháp lý cơ bản để bước sang các giai đoạn tiếp theo để triển khai xây dựng dự án.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

-  Đội ngũ BDH và các cán bộ quản lý đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án ứng phó với các tình huống xảy ra. Đặc biệt hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2024 vừa cải tạo nhà máy, mở rộng hoạt động sản xuất sản phẩm mới, vừa ổn định duy trì hoạt động kinh doanh cũ.
-  BDH đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Ban Điều hành đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất.
-  Việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Ban Điều hành thực hiện theo đúng quy định

tại điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị công ty.

- ✚ Ngoài ra, HĐQT cũng đánh giá cao công tác điều hành của Ban Điều hành, hết sức tin tưởng vào năng lực quản lý và phẩm chất đạo đức của các thành viên BDH trong việc thực hiện định hướng chiến lược của công ty.

4. Kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT

- ✚ HĐQT thực hiện nghiêm túc công việc quản trị Công ty theo đúng các quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng và Điều lệ, quy chế Quản trị của CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê;
- ✚ Thực hiện việc lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của BDH trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp ban BDH hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- ✚ Hợp tác chặt chẽ với BKS, đảm bảo cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho BKS. Phối hợp với BKS trong việc giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo đề xuất của BKS.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

BKS đã tiến hành 02 buổi họp và thông qua nhiều nội dung quan trọng liên quan đến các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Nhìn chung, hoạt động chính của BKS trong năm 2024 bao gồm những nội dung chính sau:

- Xem xét Báo cáo tài chính năm 2023.
- Tham gia các buổi làm việc của Hội đồng quản trị về kế hoạch hoạt động của Công ty.
- Tham gia một số buổi làm việc của Ban lãnh đạo công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện.
- Xem xét các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do Ban điều hành và Phòng Tài chính kế toán chuẩn bị; Kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy kế toán.
- Đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT; Đánh giá sự phối hợp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc với hoạt động của BKS.
- Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát cùng các nội dung khác.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BDH

- HĐQT và BDH đã thực hiện đầy đủ các nội dung được thông qua trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024.
- HĐQT hoạt động theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của BDH.
- BKS cho rằng BDH đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện theo mục tiêu HĐQT và ĐHĐCĐ đề ra.
- Ban kiểm soát đồng ý với chính sách tài chính, đầu tư phát triển của Hội đồng quản trị, các quyết định điều hành, phương án hoạt động của Ban điều hành.
- Trong năm 2024, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty, cũng như không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành:

- Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với các bộ phận để triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên. Qua các cuộc kiểm tra, Ban kiểm soát thông báo kết quả công tác kiểm tra, giám sát với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành để có những biện pháp

xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

- Hội đồng Quản trị Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty khi có yêu cầu. Hội đồng Quản trị Tổng công ty, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.
- BKS tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT định kỳ và đột xuất, tham dự các cuộc họp giao ban, tổng kết năm của công ty, qua trao đổi các vấn đề phát sinh hàng ngày. Theo đó, BKS đã nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT, BDH trong việc ra quyết định và thực hiện các mục tiêu được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành là đơn vị kiểm toán được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua. Sau khi xem xét báo cáo kiểm toán, BKS nhất trí với số liệu và kết luận của đơn vị kiểm toán.
- BDH đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch.

Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2024

Năm 2024, với mục tiêu phát huy vai trò trong việc giám sát, kiểm tra tính tuân thủ, minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS dự kiến sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động, tập trung hơn nữa vào các vấn đề sau:

- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Điều hành.
- Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính của Công ty hàng quý, 06 tháng và năm theo đúng nhiệm vụ của BKS.
- Tư vấn cho HĐQT, BTGD ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản.

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS

Thù lao và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	663.600.000
2	Ông Lê Thạc Tuấn	TV HĐQT độc lập	-
3	Bà Trần Hải Yến	TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc	484.800.000
	Tổng cộng		1.148.400.000

Thù lao của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Ông Đinh Đức Tuấn	Trưởng BKS	-
2	Bà Mai Thị Thanh Hoa	Thành viên BKS	-
3	Bà Vũ Ngọc Thúy	Thành viên BKS	-
	Tổng cộng		-

HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Trong năm 2024, Công ty không phát sinh hợp đồng, giao dịch với Người nội bộ.

Các giao dịch của Công ty với các bên liên quan được kê khai chi tiết tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO**1. Các rủi ro hoạt động****Rủi ro từ biến động kinh tế vĩ mô**

Là một doanh nghiệp xuất khẩu, hoạt động kinh doanh của Nhựa Pha Lê sẽ có nhiều ảnh hưởng từ tình hình, biến động kinh tế vĩ mô. Nền kinh tế toàn cầu phát triển hay suy thoái sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức mua, nhu cầu tiêu thụ của khách hàng, đặc biệt trong các ngành như nhựa và vật liệu xây dựng. Bên cạnh đó, các thị trường xuất khẩu của PLP có thể áp dụng các chính sách bảo hộ thương mại, đánh thuế nhập khẩu cao hơn hoặc siết chặt tiêu chuẩn sản phẩm, khiến việc xuất khẩu trở nên khó khăn hơn.

**Rủi ro về thị trường và cạnh tranh**

Ngành nhựa và vật liệu xây dựng có sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ trong nước và quốc tế. Các doanh nghiệp lớn có công nghệ tiên tiến, khả năng sản xuất quy mô lớn có thể tạo áp lực lên thị phần của PLP. Buộc công ty phải đưa ra chiến lược phát triển đúng đắn, kịp thời thích ứng với nhu cầu thị trường, đổi mới sản phẩm hoặc nâng cao chất lượng để đảm bảo khả năng cạnh tranh.

**Rủi ro tỷ giá**

Rủi ro về tỷ giá là một trong những ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu. Do nguyên vật liệu nhập khẩu chiếm khoảng 60 – 70% tổng chi phí tại Nhựa Pha Lê nên chỉ cần biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào.

**Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu**

Các sản phẩm của công ty phụ thuộc nguồn nguyên liệu như đá vôi CaCO_3 và hạt nhựa nguyên sinh để sản xuất sản phẩm ván sàn SPC và hạt nhựa phụ gia (filler masterbatch). Giá nguyên liệu có thể biến động mạnh do ảnh hưởng của thị trường thế giới, đặc biệt là giá dầu (ảnh hưởng đến giá hạt nhựa) và chi phí khai thác khoáng sản

Khi giá nguyên vật liệu tăng cao sẽ ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm, cũng như biên lợi nhuận và sức cạnh tranh trên thị trường kinh doanh.

**Rủi ro từ chính sách và quy định pháp luật**

Ngành khai thác khoáng sản và sản xuất nhựa thường bị kiểm soát chặt chẽ bởi các quy định về môi trường. Các quy định, chính sách khuyến khích hạn chế sử dụng

nhựa hoặc yêu cầu tăng tỷ lệ sử dụng nhựa tái chế đang trở thành xu thế và yêu cầu cải tiến về công nghệ sản xuất đối với sản phẩm của công ty.

2. Công tác quản trị rủi ro

Bên cạnh việc mở rộng sản xuất, Ban lãnh đạo của Nhựa Pha Lê luôn chú trọng đến phát triển hệ thống quản trị rủi ro. Theo đó, hệ thống quản trị rủi ro của Công ty được tổ chức theo 3 tuyến đối với nhiều loại rủi ro trọng yếu khác nhau trên cơ sở nguyên tắc là tất cả các rủi ro trọng yếu trong doanh nghiệp đều phải có quy trình quản trị rủi ro. Quy trình quản trị đối với mỗi loại rủi ro đều gồm có 5 bước cơ bản, bao gồm: nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý rủi ro.



Quản trị rủi ro đến từ các yếu tố vĩ mô

Các yếu tố vĩ mô luôn được Công ty theo dõi sát diễn biến để có đối sách kịp thời và phù hợp:

- + Đối với rủi ro tỷ giá: Tiếp tục sử dụng đồng tiền thanh toán đồng nhất (chủ yếu là USD) giữa việc bán hàng và mua nguyên liệu, từ đó tạo ra nguồn ngoại tệ vừa để sử dụng vừa để tích lũy; Sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá, như hợp đồng kỳ hạn hoặc quỹ dự phòng ngoại tệ.
- + Đối với áp lực cạnh tranh: Nhựa Pha Lê chú trọng vào việc đầu tư R&D để phát triển những sản phẩm chất lượng cao, nguyên liệu thân thiện với môi trường và tạo ra sự chuyên biệt so với các doanh nghiệp khác; Mở rộng thị trường xuất khẩu; Đẩy mạnh hoạt động marketing, truyền thông, quảng bá sản phẩm,...
- + Đối với biến động giá nguyên vật liệu: Nhằm mục đích tận dụng tránh rủi ro đến từ biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, công ty chủ trương thực hiện tăng cường tích trữ hàng tồn kho khi giá rẻ, và bán ra hàng tồn kho khi giá ở mức cao; cải thiện chuỗi cung ứng, đa dạng hóa nhà cung cấp để tối ưu lựa chọn cho nguyên vật liệu đầu vào; Đồng thời tiếp tục nghiên cứu R&D, các giải pháp tối ưu hóa quy trình sản xuất để giảm lượng nguyên liệu tiêu hao và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên liệu.
- + Đối với rủi ro từ chính sách và quy định pháp luật: Nhựa Pha Lê định hướng phát triển những sản phẩm ứng dụng công nghệ xanh, thân thiện môi trường đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, phát triển bền vững; Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về khai thác khoáng sản và sản xuất nhựa; Tham gia vào các hiệp hội ngành để nắm bắt thông tin chính sách và có tiếng nói trong việc xây dựng quy định.



Quản trị rủi ro hoạt động

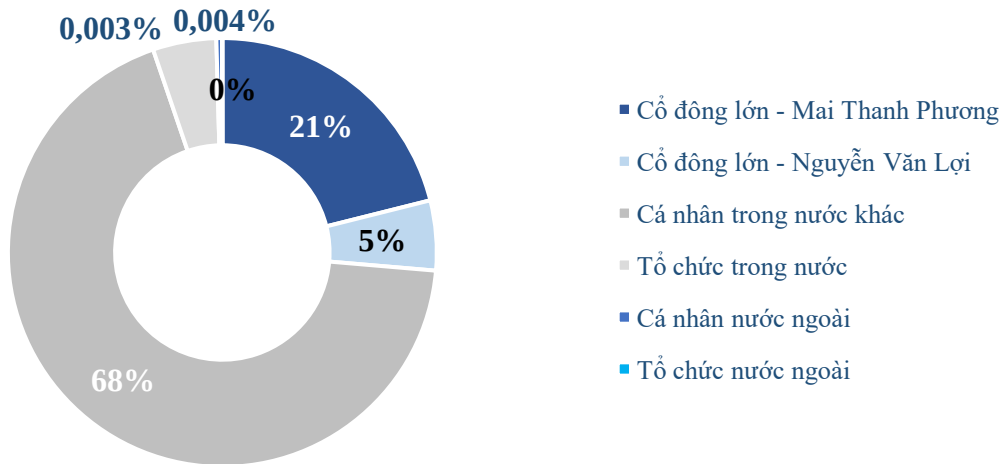
- + Nhựa Pha Lê đã đề ra các chiến lược như: chuẩn hóa hệ thống kiểm tra kiểm

soát và ban hành các chính sách chặt chẽ, thuê tư vấn chuyên nghiệp tái cấu trúc mô hình quản lý, quản trị rủi ro;

- + Tập trung đào tạo, huấn luyện phát triển nhân viên, đặc biệt là nguồn nhân lực kế thừa. Đối với những vị trí quan trọng, Công ty chú trọng tuyển chọn các vị trí quản lý và vận hành có kinh nghiệm lâu năm. Đối với những vị trí chưa có nhiều kinh nghiệm, Công ty sẽ tổ chức các chương trình đào tạo thực hành tại thực tế đơn vị sản xuất trước khi chính thức giao việc. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng chăm lo tốt cho người lao động thông qua các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ, khơi dậy tài năng, tạo môi trường làm việc thuận lợi và cơ hội thăng tiến công bằng.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ ĐẦU TƯ

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 27/05/2024)

❖ Thông tin cổ phiếu:

Tổng số cổ phần:	70.000.000 cổ phần
Số cổ phần phổ thông:	70.000.000 cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành:	69.999.847 cổ phần
Cổ phiếu quỹ:	153 cổ phần
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần
Cổ phiếu chuyển nhượng tự do:	70.000.000 cổ phần

❖ Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm

❖ Các đợt tăng vốn cổ phần trong năm:

Trong năm 2024, Công ty không thực hiện tăng vốn điều lệ.

PHẦN V

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TỔNG QUAN BÁO CÁO

Năm 2025 đánh dấu một chặng đường chuyển mình chiến lược của Nhựa Pha Lê khi chúng tôi xác lập rõ ràng các trụ cột phát triển bền vững gắn liền với mục tiêu kinh doanh và trách nhiệm xã hội. Với chiến lược SK27945 làm kim chỉ nam, chúng tôi cam kết tạo dựng giá trị lâu dài không chỉ cho cổ đông mà còn cho cộng đồng, môi trường và nền kinh tế Việt Nam.

Tại Nhựa Pha Lê, phát triển bền vững không còn là nhiệm vụ của một bộ phận riêng lẻ mà là chiến lược kinh doanh cốt lõi của toàn bộ hệ thống. Chúng tôi luôn nỗ lực hài hòa giữa ba trụ cột: **Kinh tế – Xã hội – Môi trường** để đảm bảo sự phát triển dài hạn.

Phát triển bền vững đối với chúng tôi còn là một cam kết xây dựng mối quan hệ lâu dài, tin cậy với tất cả các bên liên quan: từ cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác – nhà cung ứng, đến người lao động và cộng đồng. Thông qua đối thoại hai chiều và hành động cụ thể, Pha Lê chủ động đáp ứng kỳ vọng của từng bên, đảm bảo hài hòa lợi ích, tính minh bạch và trách nhiệm xã hội trong mọi quyết định chiến lược

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GẮN VỚI SK27945

1. Phát triển bền vững là chiến lược xuyên suốt tại Nhựa Pha Lê

Phát triển bền vững là một định hướng lâu dài được lồng ghép trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Chúng tôi tích cực đầu tư vào công nghệ tiên tiến, tăng cường hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, áp dụng quy trình vận hành tiết kiệm năng lượng và thúc đẩy tinh thần cải tiến liên tục nhằm bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả vận hành.

2. Cam kết ESG trong triển khai SK27945

Chúng tôi xem việc lồng ghép ESG vào dự án chiến lược SK27945 không chỉ là một yêu cầu, mà là tuyên ngôn của Nhựa Pha Lê về phương thức phát triển trong kỷ nguyên mới – phát triển đi cùng trách nhiệm. Dưới đây là những cam kết cụ thể thể hiện quyết tâm của chúng tôi:.

Môi trường:

Nhựa Pha Lê tiên phong áp dụng các giải pháp sản xuất tuần hoàn, giảm phát thải tại nguồn và tái chế 100% nguyên liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất. Chúng tôi đầu tư vào hệ thống điện mặt trời áp mái, tối ưu quy trình tiêu thụ năng lượng, kiểm soát lượng nước sử dụng, đồng thời liên tục đánh giá tác động môi trường theo định kỳ. Việc phủ xanh nhà

máy, quản lý chất thải và giảm thiểu ô nhiễm không khí được đưa vào tiêu chí KPI nội bộ và đánh giá lãnh đạo nhà máy hằng quý.

Xã hội:

Con người là trọng tâm trong mọi chiến lược hành động. Chúng tôi cam kết nâng cao đời sống vật chất – tinh thần cho người lao động thông qua hệ thống đãi ngộ công bằng, các chương trình đào tạo định kỳ và xây dựng môi trường làm việc gắn bó – sáng tạo – trách nhiệm. Nhựa Pha Lê đặc biệt chú trọng đến việc phát triển đội ngũ kế thừa, đảm bảo an toàn lao động, và thực hiện các chương trình vì cộng đồng có sức lan tỏa bền vững tại khu vực có nhà máy hoạt động.

Quản trị:

Với tinh thần quản trị minh bạch và trách nhiệm, chúng tôi xây dựng bộ chỉ số ESG áp dụng toàn hệ thống, lồng ghép vào đánh giá hiệu quả hoạt động của từng khối chức năng và cán bộ quản lý cấp trung trở lên. Hệ thống ERP – SAP được tối ưu hóa để tích hợp dữ liệu ESG, đảm bảo báo cáo theo thời gian thực và đưa ESG trở thành tiêu chuẩn điều hành – không chỉ là báo cáo.

Cam kết ESG trong SK27945 không chỉ thể hiện bản lĩnh đổi mới của PLP, mà còn là lời hứa mạnh mẽ của chúng tôi với cổ đông, cộng đồng và thế hệ tương lai.

KẾT QUẢ NỔI BẬT NĂM 2024

Môi trường



Hoàn thiện hệ thống tuần hoàn nước tại nhà máy Nghệ An, giúp tiết kiệm hơn 15% lượng nước sử dụng.

Tổng lượng nước Công ty sử dụng trong năm 2024 là: 13.450 m³.

Công ty đã tổ chức những chương trình truyền thông, khẩu hiệu tại các khu vực làm việc để nhắc nhở CBNV ý thức về việc tiết kiệm nước và tiết kiệm năng lượng.



Tổng lượng điện tiêu thụ đạt 4,02 triệu Kwh.

Đẩy mạnh triển khai các biện pháp tiết kiệm điện tại tất cả nhà máy:

- Bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý, phát huy hết năng lực thiết bị, hạn chế để thiết bị, máy móc làm việc non tải.
- Bố trí hệ thống lưới chiếu sáng hợp lý, tập trung các điểm cần thiết, điều chỉnh thời gian chiếu sáng hợp lý theo mùa, tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên.
- Thực hiện đúng chế độ kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị luôn ở trạng thái làm việc tốt, đảm bảo chất lượng sửa chữa thiết bị.
- Xây dựng và ban hành nội quy sử dụng tiết kiệm điện trong tất cả các bộ phận, nhà máy.



100% nguyên vật liệu tiêu hao trong sản xuất được tái sử dụng.

Nguyên vật liệu chính trong sản xuất của Công ty là bột đá và hạt nhựa nguyên sinh. Sản lượng bột đá sử dụng trong năm là 6.502 tấn, hạt nhựa là 3.959 tấn, thấp hơn đáng kể so với năm 2023 do giảm sản lượng sản xuất từ hoạt động cải tạo, nâng cấp nhà máy.

Luôn chú trọng việc ứng dụng những cải tiến trong sản xuất nhằm giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu, đồng thời đầu tư hệ thống dây chuyền công nghệ tiên tiến, tận dụng nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất.



Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Hiện do sự phức tạp của hoạt động SXKD nên Công ty chưa kiểm kê được chính xác số lượng tổng phát thải nhà kính. Tuy nhiên Công ty xác định các nguồn gây phát thải nhà kính, từ đó đưa ra một số biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính như sau:

- Tăng hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng trong sản xuất
- Rà soát các quy trình vận hành, không ngừng tối ưu hóa quá trình sản xuất để tăng hiệu quả sử dụng nguyên liệu và giảm tiêu hao năng lượng



Trồng mới hàng trăm cây xanh tại khuôn viên nhà máy Hải Phòng và Nghệ An.

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, trong năm không xảy ra những vi phạm về pháp luật và quy định môi trường.

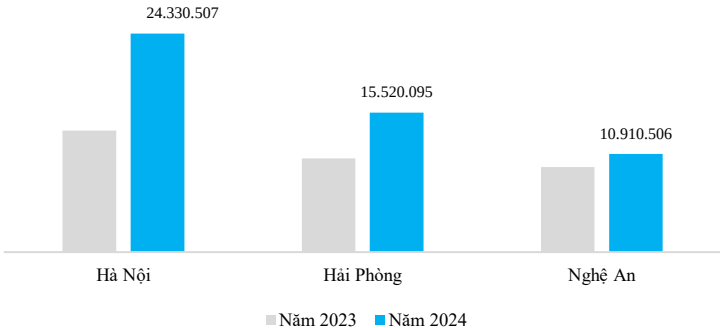
Xã hội



Tổng số lượng cán bộ công nhân viên năm 2024 là 378 người, tăng 50% so với năm 2023 nhờ việc mở rộng quy mô sản xuất sản phẩm

Đồng thời cải thiện thu nhập, tiền lương của CBCNV các khu vực.

Tiền lương bình quân tháng cho NLD



Đào tạo nội bộ đạt hơn 3.000 giờ trong năm.

Số giờ đào tạo bình quân đạt trên 13 giờ/ người với chủ đề trải rộng từ kỹ thuật, an toàn đến kỹ năng quản trị.

Các đơn vị liên tục tổ chức, tạo điều kiện cho CBCNV theo học các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn như: quản lý doanh nghiệp, quản lý kho, kiến thức kinh doanh, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy...



Khám sức khỏe định kỳ toàn bộ CBCNV, triển khai chính sách chăm sóc dinh dưỡng, khu vận động – nghỉ dưỡng tại khu nội trú.

Tăng cường công tác kiểm tra để đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, thực phẩm, thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh, thực hiện đo đạc đánh giá tác động môi trường định kỳ để có những biện pháp phòng ngừa, cải thiện môi trường làm việc.

Tổ chức hội thảo “Ngày an toàn”. Mỗi tháng 1 chủ đề hướng đến an toàn sức khỏe- công việc, nâng cao hiệu quả - năng suất làm việc.



Tổ chức 6 chương trình cộng đồng tại địa phương nhà máy, nổi bật như:

Ủng hộ hơn 3 tỷ đồng nâng cấp đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ xã Quỳnh Hậu, Huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An

Trao tặng 300 triệu đồng ủng hộ cho quân và dân tại đảo Cồn Cỏ - Quảng Trị.....



Đạt Chứng nhận “Chỉ số tín nhiệm xanh – TOPGreen 2021”

Quản trị



Ban hành Bộ chỉ số ESG nội bộ, tích hợp vào dashboard quản trị.



Hoàn tất kiểm toán nội bộ lần đầu theo ISO 19011.



Triển khai đồng bộ hệ thống ERP – SAP, kết nối dữ liệu với MES và CR



Trao tặng nhà – xe – bảo hiểm nhân thọ cho cán bộ quản lý có nhiều năm công hiến và đóng góp cho công ty



Đạt chứng chỉ TBI 2021 - Chứng nhận “Nhà cung cấp chất lượng – Trusted Quality Supplier 2021”

ESG

Environmental
Social
Governance



MÔI TRƯỜNG



- **Lắp đặt điện mặt trời áp mái tại các nhà máy**
→ *Mục tiêu:* Giảm 20% chi phí điện sản xuất, giảm phát thải CO₂, hiện thực hóa mục tiêu “nhà máy xanh” trong SK27945.
- **Giảm 10% tiêu thụ điện/tấn sản phẩm**
→ *Mục tiêu:* Tối ưu hiệu suất thiết bị, tiết giảm năng lượng tiêu hao qua từng công đoạn, giảm chi phí vận hành.
- **Tháng xanh tiết kiệm năng lượng (tháng 6/2025)**
→ *Mục tiêu:* Khởi dậy sáng kiến tiết kiệm từ nội bộ, tạo không khí thi đua cải tiến xanh toàn hệ thống.
- **Đưa tiêu chí môi trường vào đánh giá nhà cung cấp**
→ *Mục tiêu:* Xây dựng chuỗi cung ứng thân thiện môi trường, tăng tỷ lệ NCC nội địa & đạt chuẩn ESG.

XÃ HỘI



- **Chương trình học bổng nghề cho con em công nhân**
→ *Mục tiêu:* Góp phần phát triển lực lượng lao động địa phương, tăng gắn kết cộng đồng và hình ảnh doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội.
- **Tăng tỷ lệ bổ nhiệm từ nguồn nội bộ $\geq 65\%$**
→ *Mục tiêu:* Phát triển đội ngũ kế thừa bền vững, giữ gìn văn hóa tổ chức và động lực phát triển cá nhân.
- **Tuần lễ kết nối giá trị ESG (tháng 10/2025)**
→ *Mục tiêu:* Kết nối nội bộ bằng giá trị hành động, giúp mỗi khối xác định vai trò ESG riêng và lan tỏa văn hóa tổ chức.
- **Khảo sát eNPS & triển khai Mentor nội bộ**
→ *Mục tiêu:* Nâng cao gắn kết, duy trì văn hóa đồng hành, truyền lửa cho thế hệ mới trong Group.

QUẢN TRỊ



- **Xây dựng báo cáo ESG tích hợp trên DataBoard**
→ *Mục tiêu:* Chuẩn hóa dữ liệu ESG, phục vụ báo cáo phát triển bền vững chuẩn GRI & hỗ trợ ra quyết định điều hành chiến lược.
- **Gắn ESG vào KPI khối chức năng**
→ *Mục tiêu:* Tạo cơ chế điều hành gắn trách nhiệm ESG trong từng hoạt động, minh bạch và có thể đo lường.
- **Tổ chức Hội nghị ESG toàn hệ thống (tháng 12/2025)**
→ *Mục tiêu:* Đối thoại xuyên suốt giữa các khối về kết quả – sáng kiến – rào cản ESG. Đề xuất cải tiến & tôn vinh mô hình điểm.
- **Tích hợp ESG vào thẩm định đầu tư**
→ *Mục tiêu:* Đảm bảo mọi dự án mới đều được đánh giá rủi ro và cơ hội bền vững, hạn chế phát sinh chi phí ESG sau triển khai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(đính kèm)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

M.S.D.N: 0103018538
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SẢN XUẤT VÀ
CÔNG NGHỆ
NHỰA PHA LÊ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mai Thanh Phương



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê, được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000087 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 10 năm 2014, điều chỉnh lại ngày 12 tháng 12 năm 2014. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu số 0103018538 vào ngày 18 tháng 11 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 11 tháng 12 năm 2023. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là **700.000.000.000** đồng (Bảy trăm tỷ đồng).

Vốn điều lệ:	700.000.000.000 VND (Bảy trăm tỷ đồng)
Mệnh giá cổ phần:	10.000 VND
Tổng số cổ phần:	70.000.000 cổ phần
Mã chứng khoán:	PLP
Sàn giao dịch:	HSX

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Thạc Tuấn	Ủy viên
Bà Trần Hải Yến	Ủy viên
Cao Văn Thọ	Ủy viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đinh Đức Tuấn	Trưởng ban kiểm soát
Bà Vũ Ngọc Thúy	Ủy viên
Bà Mai Thị Thanh Hoa	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Hải Yến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Mai Thanh Phương - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ông Mai Thanh Phương là người đại diện trước pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Bà Trần Hải Yến - Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 01/2023/UQ-PL ngày 01/01/2023.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc thấy rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

7. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRẦN HẢI YẾN

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2025



Số: 030/2025/BCKT-HT.00149

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 5 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRẦN ĐÌNH DŨNG

Phó Giám đốc

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 1788-2023-009-1

NGUYỄN ĐĂNG SỸ

Kiểm toán viên

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 3725-2021-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Địa chỉ: Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.514.439.559.341	1.257.807.735.730
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.016.322.858	17.033.894.951
1. Tiền	111		16.016.322.858	17.033.894.951
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	76.328.794.520	47.150.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		76.328.794.520	47.150.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		998.826.186.468	893.487.768.596
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	606.874.837.258	532.176.185.596
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	148.865.426.336	101.695.490.531
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	7.200.000.000	10.600.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	240.459.108.297	253.086.202.232
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(4.573.185.423)	(4.070.109.763)
IV. Hàng tồn kho	140		366.217.262.792	288.220.450.644
1. Hàng tồn kho	141	5.8	366.217.262.792	288.220.450.644
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		57.050.992.703	11.915.621.539
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	3.151.621.836	1.857.428.571
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		49.932.306.904	9.537.913.065
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.17	3.967.063.963	520.279.903
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		877.554.396.048	485.592.088.630
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.428.913.877	2.752.044.340
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	13.428.913.877	2.752.044.340
II. Tài sản cố định	220		557.222.802.707	179.738.992.499
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	350.109.793.267	167.678.234.896
- Nguyên giá	222		450.603.627.514	292.808.762.565
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.493.834.247)	(125.130.527.669)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.11	195.428.171.553	-
- Nguyên giá	225		197.369.772.026	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.941.600.473)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	11.684.837.887	12.060.757.603
- Nguyên giá	228		15.036.788.688	15.036.788.688
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.351.950.801)	(2.976.031.085)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.13	6.548.844.105	-
- Nguyên giá	231		6.548.844.105	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		69.803.184.796	7.459.272.870
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.14	69.803.184.796	7.459.272.870
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	206.640.398.456	273.641.712.433
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		209.000.000.000	209.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	65.170.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	254		(3.659.601.544)	(2.828.287.567)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.300.000.000	2.300.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		23.910.252.107	22.000.066.488
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	23.910.252.107	22.000.066.488
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.391.993.955.389	1.743.399.824.360

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Địa chỉ: Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.591.680.072.520	951.912.026.660
I. Nợ ngắn hạn	310		1.196.782.361.425	937.987.975.719
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	170.457.829.458	99.166.783.716
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	202.015.171.831	117.552.912.451
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	2.051.635.257	3.804.545.984
4. Phải trả người lao động	314		4.984.989.673	1.103.492.342
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	4.159.222.530	2.023.934.853
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	6.011.992.398	5.582.033.805
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	802.667.018.290	704.211.401.580
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.434.501.988	4.542.870.988
II. Nợ dài hạn	330		394.897.711.095	13.924.050.941
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	394.897.711.095	13.924.050.941
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		800.313.882.869	791.487.797.700
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	800.313.882.869	791.487.797.700
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(200.000.000)	(200.000.000)
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.530.000)	(1.530.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.885.826.969	5.885.826.969
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.629.585.900	85.803.500.731
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		85.803.500.731	74.723.420.860
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.826.085.169	11.080.079.871
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.391.993.955.389	1.743.399.824.360

NGƯỜI LẬP BIỂU


TRẦN HỮU TÍN

KẾ TOÁN TRƯỞNG


PHẠM XUÂN TRÍ

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC


TRẦN HAI YẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Địa chỉ: Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.002.833.899.638	1.806.342.204.433
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	116.263.226	10.627.200
3 Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV (10=01-02)	10		2.002.717.636.412	1.806.331.577.233
4 Giá vốn hàng bán	11	6.3	1.877.407.481.444	1.669.117.351.356
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		125.310.154.968	137.214.225.877
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	34.362.858.595	7.096.303.802
7 Chi phí tài chính	22	6.5	58.128.514.275	65.768.084.658
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		56.132.803.809	63.339.959.573
8 Chi phí bán hàng	24	6.6	21.386.610.523	29.341.689.522
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	29.259.746.661	24.681.120.460
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50.898.142.104	24.519.635.039
11 Thu nhập khác	31	6.8	183.228.708	2.483.924
12 Chi phí khác	32	6.9	42.230.094.811	9.545.647.022
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(42.046.866.103)	(9.543.163.098)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.851.276.001	14.976.471.941
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	25.190.832	3.897.292.070
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		8.826.085.169	11.079.179.871
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	126	158
19 Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	126	158

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN HỮU TIN



PHẠM XUÂN TRÍ



TRẦN HẢI YẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Địa chỉ: Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.851.276.001	14.976.471.941
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		8.413.302.875	22.469.922.319
- Các khoản dự phòng	03		1.334.389.637	1.478.211.839
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(24.051.265)	911.236.979
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(71.403.918.990)	(3.807.366.114)
- Chi phí lãi vay	06		56.132.803.809	63.339.959.573
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.303.802.067	99.368.436.537
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(248.188.201.289)	50.068.563.011
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(77.996.812.148)	(12.822.375.853)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		173.234.824.389	6.743.210.405
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(3.204.378.884)	4.816.261.109
- (Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(56.119.454.303)	(63.387.881.809)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.955.626.285)	(3.406.953.678)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(108.369.000)	(2.400.243.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(212.034.215.453)	78.979.016.522
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(276.501.625.741)	(19.283.378.217)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		100.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(44.065.000.000)	(24.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.600.000.000	17.973.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		274.311.620.300	37.701.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.865.697.918	3.251.509.595
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.689.307.523)	15.142.631.378
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	2.457.633.983.191	1.645.323.496.787
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(2.183.070.024.161)	(1.726.453.363.217)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(39.875.489.313)	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		234.688.469.717	(81.129.866.430)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(1.035.053.259)	12.991.781.470
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		17.033.894.951	4.042.335.759
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		17.481.166	(222.278)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	16.016.322.858	17.033.894.951

NGƯỜI LẬP BIỂU



TRẦN HỮU TIN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM XUÂN TRÍ



Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN HẢI YẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê, được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000087 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 10 năm 2014, điều chỉnh lại ngày 12 tháng 12 năm 2014. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu số 0103018538 vào ngày 18 tháng 11 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 11 tháng 12 năm 2023. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 đồng (Bảy trăm tỷ đồng).

Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là PLP.

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: thăm dò, khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Casting đúc và hoàn thiện đá
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sợi nhân tạo; Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Xây dựng công trình công ích khác; Xây dựng công trình thủy; Xây dựng công trình chế biến, chế tạo; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất thiết bị truyền thông; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất máy thông dụng khác; Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thô; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá; Tái chế phế liệu;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc xây dựng nhà máy sản xuất vật liệu ốp lát công nghệ cao tại Hải Phòng và đã đưa nhà máy vào hoạt động sản xuất.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp

- **Các đơn vị trực thuộc:**

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Nghệ An	Nghệ An	Khai thác và sản xuất đá
Nhà Máy Hải Phòng	Hải Phòng	Sản xuất hạt nhựa
Văn phòng đại diện tại Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh thương mại

- **Các công ty liên kết tại ngày 31/12/2024, bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An	Số 84 đường Hậu Cần, P. Bái Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	49,50%	49,50%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cầm	Mỏ đá Lèn Minh Cầm, xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	Khai thác và sản xuất đá	45%	45%

1.7 Số lượng nhân viên

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 133 người (tại ngày 31/12/2023 là 243 người).

1.8 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 31/12/2024 có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. KỲ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND") do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.5 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 22
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	10 - 20

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (40 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

4.12 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đầu tư xây dựng của các dự án đang thực hiện, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác của doanh nghiệp bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.14 Các khoản nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

4.15 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.16 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.17 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

4.18 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.19 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.20 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.21 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.22 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.23 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Công ty đang được hưởng các ưu đãi thuế như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 2111132468 ngày 29/12/2023 của Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng với thu nhập từ Dự án đầu tư "Nhà máy sản xuất vật liệu ốp lát công nghệ cao" là 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu. Đồng thời, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 6007621343 ngày 11/8/2010 và Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 2 ngày 21/07/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ Dự án đầu tư "Khai thác và xây dựng hệ thống nhà xưởng chế biến đá ốp lát tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp" được hưởng ưu đãi theo quy định của Pháp luật. Đây là dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu; đồng thời Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng năm 2024

- Thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ Dự án đầu tư "Khai thác và xây dựng hệ thống nhà xưởng chế biến đá ốp lát tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp" là 10% và được giảm 50% số thuế phải nộp. (Năm 2024 là năm thứ 6 được hưởng ưu đãi thuế);
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất vật liệu ốp lát công nghệ cao" (Năm 2024 là năm đầu tiên được hưởng ưu đãi);
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.25 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tồn quỹ	2.831.670.885	2.509.479.399
Tiền gửi ngân hàng	13.184.651.973	14.524.415.552
Tổng	16.016.322.858	17.033.894.951

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	76.328.794.520	76.328.794.520	47.150.000.000	47.150.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	15.233.136.986	15.233.136.986	5.200.000.000	5.200.000.000
Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	1.615.000.000	1.615.000.000	550.000.000	550.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	10.080.657.534	10.080.657.534	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trung	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Sở Giao dịch	26.000.000.000	26.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	21.400.000.000	21.400.000.000	8.400.000.000	8.400.000.000
Tổng	76.328.794.520	76.328.794.520	47.150.000.000	47.150.000.000
Dài hạn				
- Trái phiếu	1.300.000.000	1.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000
Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam (1)	1.300.000.000	1.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000
Tổng	1.300.000.000	1.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000

- (1) Trái phiếu có kỳ hạn 7 năm và 8 năm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có giá trị 2.300.000.000 VND với lãi suất bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ từ 1%/năm đến 1,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	209.000.000.000	(3.659.601.544)		209.000.000.000
Công ty CP Thương mại và Du lịch Tân Việt An	173.000.000.000	(1.387.164.392)	(*)	173.000.000.000
Công ty CP Khoáng sản Minh Cầm	36.000.000.000	(2.272.437.152)	(*)	36.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-		65.170.000.000
Công ty CP Hoàng Gia Pha Lê	-	-	-	65.170.000.000
Tổng	209.000.000.000	(3.659.601.544)		274.170.000.000

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đồng Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Neo Floor	106.905.608.651	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SPC Việt Nam	412.067.635	3.014.450.287
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	8.983.848.360
Công ty Cổ phần SPC Hà Nội	97.751.851.926	60.297.581.926
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Sông Hồng	-	221.417.032.590
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Vũ Hoàng	218.614.516.600	120.653.926.600
Công ty TNHH Thương mại Nhựa Hà Nội	-	38.485.528.022
Công ty Cổ phần Quốc tế Minh Hải	84.727.111.570	11.839.456.326
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Neo Global	24.785.020.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Đầu tư kinh doanh Bình An	21.874.478.976	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	51.804.181.900	67.484.361.485
Tổng	606.874.837.258	532.176.185.596

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán khác		
Harvest Europe Limited	-	125.437.320
An Thanh Biscol Singapore Pte.Ltd	-	792.082.975
Vinomig Singapore Pte.Ltd	18.502.018.002	-
Giant Crown Corporation Limited	21.248.108.665	-
Công ty TNHH Kinh doanh và Thương mại Á Châu	11.469.303.742	17.863.237.410
Công ty TNHH MD Trading Việt Nam	74.084.044.000	73.899.324.000
Các tổ chức, cá nhân khác	23.561.951.927	9.015.408.826
Tổng	148.865.426.336	101.695.490.531

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty CP Thương mại và Du lịch Tân Việt An	7.200.000.000	7.200.000.000
Công ty CP Neo Floor	-	3.400.000.000
Tổng	7.200.000.000	10.600.000.000

5.6 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An (1)	46.060.650.000	-	7.245.000.000	-
Công ty Cổ phần Pha Lê Holdings (2)	2.160.000.000	-	2.160.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng	64.877.299.962	-	1.149.949.373	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	891.272.996	-	1.129.991.233	-
Phải thu khác	126.469.885.339	-	241.401.261.626	-
- Công ty CP Hoàng Gia Pha Lê	-	-	42.858.000.000	-
- Nguyễn Thùy Dương (3)	65.356.200.000	-	-	-
- Cao Văn Thọ (4)	23.579.979.700	-	173.323.800.000	-
- Huỳnh Cảnh Phúc (5)	23.985.000.000	-	23.985.000.000	-
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (6)	12.901.657.029	-	-	-
- Các đối tượng khác	647.048.610	-	1.234.461.626	-
Tổng	240.459.108.297	-	253.086.202.232	-
b) Dài hạn				
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Ký quỹ, ký cược	13.428.913.877	-	2.752.044.340	-
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (7)	10.560.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	2.868.913.877	-	2.752.044.340	-
Tổng	13.428.913.877	-	2.752.044.340	-

- (1) Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An theo các hợp đồng cho mượn tiền không lãi suất, thời hạn cho mượn tiền cho đến khi Công ty thông báo trả lại tiền, mục đích mượn tiền để bổ sung vốn lưu động.
- (2) Phải thu Công ty Cổ phần Pha Lê Holdings theo Hợp đồng cho mượn tiền ngày 15/04/2023 không lãi suất, thời hạn cho mượn tiền từ ngày 15/04/2023 cho đến khi Công ty thông báo trả lại tiền, mục đích mượn tiền để bổ sung vốn lưu động.
- (3) Phải thu bà Nguyễn Thùy Dương tiền chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty CP Hoàng Gia Pha Lê theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2024/HĐCNCP/RCC ngày 08/01/2024.
- (4) Phải thu ông Cao Văn Thọ tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Hoàng Gia Pha Lê theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2604/2023/TP/HĐCNCP/RCC ngày 26/04/2023.
- (5) Phải thu ông Huỳnh Cảnh Phúc tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Khoáng sản Minh Cẩm theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 28122023/HĐCN-MC ngày 28/12/2023.
- (6) Phải thu Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo Hợp đồng ủy thác nhập khẩu số 111.24.15/UTNK ngày 23 tháng 02 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- (7) Khoản ký quỹ 5% giá trị tài sản thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 111.24.15/CTTC ngày 23 tháng 02 năm 2024 ký với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

5.7 Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Nợ quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm				
<i>Trả trước cho người bán</i>				
Các tổ chức, cá nhân khác	83.418.730	58.393.111	-	-
Nợ quá hạn từ 1 năm đến 2 năm				
<i>Phải thu khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Đức Linh	653.400.000	326.700.000	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại TMT Vina	245.784.000	122.892.000	245.784.000	172.048.800
<i>Trả trước cho người bán</i>				
Các tổ chức, cá nhân khác	31.045.000	15.522.500	-	-
Nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm				
<i>Phải thu khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	482.216.048	144.664.814	482.216.048	241.108.024
RC Flooring Distributor Inc	470.319.009	141.095.703	447.330.913	223.665.457
Apollo Flooring Distributor	775.324.514	232.597.354	756.740.570	378.370.285
Công ty Cổ phần Sản xuất Havitech	318.455.477	95.536.643	318.455.477	159.227.739
Các tổ chức, cá nhân khác	89.705.041	26.911.512	85.320.468	42.660.234
<i>Trả trước cho người bán</i>				
Công ty TNHH Cơ Khí Bấy Viên	278.466.000	83.539.800	278.466.000	139.233.000
Nợ quá hạn trên 3 năm				
<i>Phải thu khách hàng</i>				
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Bao bì Duy Anh	188.760.000	-	188.760.000	-
Công ty TNHH Thịnh Phát	444.125.900	-	444.125.900	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản, Bao bì và Nhựa	454.082.750	-	454.082.750	-
PT. GUNAWANFAJAR	405.584.000	-	405.584.000	-
Công ty TNHH Latca-PM	444.325.000	-	444.325.000	-
Các tổ chức, cá nhân khác	449.016.954	-	449.016.954	-
<i>Trả trước cho người bán</i>				
Công ty Cổ phần Thương mại Châu Thanh	-	-	445.376.800	-
Các tổ chức, cá nhân khác	7.010.437	-	7.010.437	-
Tổng	5.821.038.860	1.247.853.437	5.426.423.301	1.356.313.538

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.8 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	1.171.677.550	-
Nguyên liệu, vật liệu	164.832.561.652	-	245.764.677.124	-
Công cụ, dụng cụ	3.886.203.562	-	781.672.847	-
Thành phẩm	146.819.243.949	-	32.341.347.555	-
Hàng hóa	50.679.253.629	-	8.161.075.568	-
Tổng	366.217.262.792	-	288.220.450.644	-

Giá trị hàng tồn kho luân chuyển được tài trợ bằng vốn vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng được thế chấp làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. (Xem thêm thuyết minh 5.20)

5.9 Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.274.748.006	486.790.727
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	401.138.739	262.539.829
Chi phí bảo hiểm	537.973.221	453.633.948
Chi phí trả trước khác	937.761.870	654.464.067
Tổng	3.151.621.836	1.857.428.571
b) Dài hạn		
Chi phí liên quan đến cấp giấy phép khai thác mỏ, khoáng sản	2.639.953.387	2.871.445.423
Chi phí thuế GTGT đầu vào không được hoàn của TSCĐ dự án "Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa" theo biên bản thanh tra thuế.	354.831.245	598.777.772
Công cụ, dụng cụ	3.087.961.625	439.051.404
Chi phí san lấp mặt bằng	17.454.928.909	17.454.928.909
Chi phí trả trước khác	372.576.941	635.862.980
Tổng	23.910.252.107	22.000.066.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày đầu năm	102.359.816.138	163.766.389.799	25.470.676.950	1.211.879.678	292.808.762.565
Mua trong năm	-	30.966.452.146	9.206.288.228	4.266.903.290	44.439.643.664
Đầu tư XDCB hoàn thành	199.306.959.959	-	-	-	199.306.959.959
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(6.548.844.105)	-	-	-	(6.548.844.105)
Thanh lý, nhượng bán	(78.376.679.114)	(131.150.000)	(895.065.455)	-	(79.402.894.569)
Vào ngày cuối năm	216.741.252.878	194.601.691.945	33.781.899.723	5.478.782.968	450.603.627.514
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày đầu năm	37.131.593.045	76.383.912.495	10.817.068.806	797.953.323	125.130.527.669
Khấu hao trong năm	1.091.962.282	2.873.840.089	1.889.899.538	240.080.777	6.095.782.686
Thanh lý	(29.724.421.903)	(112.988.750)	(895.065.455)	-	(30.732.476.108)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Vào ngày cuối năm	8.499.133.424	79.144.763.834	11.811.902.889	1.038.034.100	100.493.834.247
Giá trị còn lại					
Vào ngày đầu năm	65.228.223.093	87.382.477.304	14.653.608.144	413.926.355	167.678.234.896
Vào ngày cuối năm	208.242.119.454	115.456.928.111	21.969.996.834	4.440.748.868	350.109.793.267

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 302.860.337.126 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 23.746.655.768 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị VND
Nguyên giá	
Vào ngày đầu năm	-
Thuê tài chính trong năm	197.369.772.026
Vào ngày cuối năm	197.369.772.026
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày đầu năm	-
Khấu hao trong năm	1.941.600.473
Vào ngày cuối năm	1.941.600.473
Giá trị còn lại	
Vào ngày đầu năm	-
Vào ngày cuối năm	195.428.171.553

5.12 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Vào ngày đầu năm	15.036.788.688
Mua trong năm	-
Vào ngày cuối năm	15.036.788.688
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày đầu năm	2.976.031.085
Khấu hao trong năm	375.919.716
Vào ngày cuối năm	3.351.950.801
Giá trị còn lại	
Vào ngày đầu năm	12.060.757.603
Vào ngày cuối năm	11.684.837.887

5.13 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
Nhà và quyền sử dụng đất	-	9.552.706.931	3.003.862.826	6.548.844.105
Tổn thất do suy giảm giá trị				
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
Nhà và quyền sử dụng đất	-	9.552.706.931	3.003.862.826	6.548.844.105

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.14 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	6.740.473.524	39.982.411.392	40.661.921.794	6.060.963.122
Công trình nhà máy sản xuất vật liệu ốp lát	-	276.811.478.961	213.868.503.688	62.942.975.273
Chi phí xây dựng cơ bản khác	718.799.346	80.447.055	-	799.246.401
Tổng	7.459.272.870	316.874.337.408	254.530.425.482	69.803.184.796

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả nhà cung cấp là bên liên quan				
Công ty Cổ phần Đầu tư Công trình đường sắt	1.660.998.165	1.660.998.165	702.618.565	702.618.565
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty Cổ phần STAVIAN Hóa chất	12.100.065.120	12.100.065.120	33.848.450.120	33.848.450.120
Công ty Cổ phần 2R Việt Nam	-	-	9.161.085.287	9.161.085.287
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Song Lộc	15.243.910.000	15.243.910.000	-	-
Công ty Cổ phần AHAS Việt Nam	-	-	6.360.770.088	6.360.770.088
Công ty Cổ phần Công nghiệp Đại Á	2.779.432.668	2.779.432.668	14.877.961.189	14.877.961.189
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Neo Global	16.340.183.338	16.340.183.338	-	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức	34.328.643.800	34.328.643.800	-	-
Công ty TNHH Vật liệu mới Hiệp Hằng Việt Nam	8.723.533.500	8.723.533.500	-	-
Các nhà cung cấp khác	79.281.062.867	79.281.062.867	34.215.898.467	34.215.898.467
Tổng	170.457.829.458	170.457.829.458	99.166.783.716	99.166.783.716

5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước của các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Neo Floor	-	45.167.288.405
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Sông Hồng	41.104.503.310	-
Công ty Cổ phần Thương mại Nhựa Hà Nội	41.610.298.953	-
Tridentindustry	50.411.474.611	-
Singate International Pte., Ltd	62.830.282.521	66.502.640.715
Các khách hàng khác	6.058.612.436	5.882.983.331
Tổng	202.015.171.831	117.552.912.451

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.17 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số cuối năm VND
a) Phải nộp				
Thuế Giá trị gia tăng	442.543.377	52.023.211.085	52.465.754.462	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.175.631.418	1.167.387.460	8.243.958
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.881.015.899	25.190.832	2.906.206.731	-
Thuế thu nhập cá nhân	58.998.091	529.689.688	473.508.566	115.179.213
Thuế tài nguyên	140.064.000	2.290.988.327	1.273.536.000	1.157.516.327
Thuế, phí khác	281.924.617	1.263.694.208	774.923.066	770.695.759
Tổng	3.804.545.984	57.308.405.558	59.061.316.285	2.051.635.257
	Số đầu năm VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số cuối năm VND
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	3.614.685.074	3.614.685.074
Thuế xuất, nhập khẩu	27.837.954	5.994.174.013	5.982.793.411	16.457.352
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	49.419.554	49.419.554
Thuế tài nguyên	118.568.343	-	-	118.568.343
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	157.933.045	66.161.420	73.062.015	164.833.640
Thuế, phí khác	215.940.561	571.716.441	358.875.880	3.100.000
Tổng	520.279.903	6.632.051.874	10.078.835.934	3.967.063.963

5.18 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	921.694.001	908.344.495
Chi phí bản quyền khóa hèm	1.609.851.231	-
Chi phí phải trả khác	1.627.677.298	1.115.590.358
Tổng	4.159.222.530	2.023.934.853

5.19 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đối tượng khác		
Kinh phí công đoàn	1.803.193.211	1.450.553.211
Bảo hiểm bắt buộc	624.458.010	154.172.036
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.584.341.177	3.977.308.558
- Vũ Đức Tiến (*)	1.900.000.000	1.900.000.000
- Chi cục thuế huyện Quỳnh Hợp	56.000	432.784.383
- Các đối tượng khác	1.684.285.177	1.644.524.175
Tổng	6.011.992.398	5.582.033.805

(*) Phải trả ông Vũ Đức Tiến tiền mua cổ phần của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021-HĐCNCP ngày 02/01/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

- (i) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1483-LAV-202400390 ký vào ngày 10/10/2024 (bao gồm cả các khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1483-LAV-202300411 ký vào ngày 19/07/2023) của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức. Giá trị hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 30/06/2025. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, mở LC. Tài sản đảm bảo là tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức với số tiền 550.000.000 đồng, và tài sản theo các hợp đồng cầm cố.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2024/2878672/HĐTD ký vào ngày 22/10/2024 (bao gồm cả các khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2023/2878672/HĐTD ký vào ngày 11/10/2023) của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đồng Đa. Giá trị hạn mức tín dụng là 595 tỷ đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Hạn mức tín dụng sẽ có giá trị đến ngày 15/10/2025. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ tài sản theo các hợp đồng cầm cố.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số HN/2019/01/BCB/HĐTD ký vào ngày 10/01/2019 và các Hợp đồng bổ sung hợp đồng tín dụng lần hai ngày 28/04/2021, lần ba ngày 01/12/2021 và lần thứ tư ngày 19/05/2022 của Ngân hàng TNHH MTV HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Giá trị hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Hạn mức tín dụng có giá trị đến ngày 19/05/2025. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động.
- (iv) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2024-HĐCVHM/NHCT166-PHALE ký vào ngày 29/10/2024 (bao gồm cả các khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2023/-HĐCVHM/NHCT166-PLP ký vào ngày 22/05/2023) của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng. Giá trị hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng.
- (v) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 361/2024/HĐTD/THU ký ngày 17/09/2024 (bao gồm cả các khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 344/2023/HĐTD/THU ký vào ngày 14/08/2023) của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng. Giá trị hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là toàn bộ hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng.
- (vi) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 3049638.24 ký ngày 12/07/2024 của Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Sở Giao dịch, giá trị hạn mức tín dụng 60 tỷ đồng. Lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là toàn bộ hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Sở Giao dịch với số tiền 21.000.000.000 đồng; căn hộ chung cư số 12A15 tháp A tòa Rivera Park, số 69 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội thuộc sở hữu của Bà Trần Hải Yến.
- (vii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-4068-01 ký ngày 16/12/2024 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, giá trị hạn mức tín dụng 420 tỷ đồng. Lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và sản phẩm SPC. Tài sản đảm bảo là toàn bộ hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Giá trị hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay của VPBank tài trợ, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị hình thành từ Dự án sản xuất và sản phẩm SPC tại lô đất CN4.3 khu công nghiệp Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng và các tài sản đảm bảo của bên thứ ba theo các hợp đồng tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

b) Vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			Số cuối năm	Số có khả năng trả nợ
<u>Vay dài hạn</u>	<u>13.924.050.941</u>	<u>13.924.050.941</u>	<u>248.462.017.366</u>	<u>32.478.185.733</u>	<u>229.907.882.574</u>	<u>229.907.882.574</u>
<u>Vay dài hạn các bên liên quan</u>						
Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm	10.844.970.000	10.844.970.000	-	10.844.970.000	-	-
<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>						
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	(i) 3.079.080.941	3.079.080.941	248.462.017.366	21.633.215.733	229.907.882.574	229.907.882.574
<u>Nợ thuế tài chính dài hạn</u>						
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	(ii) -	-	204.865.317.834	39.875.489.313	164.989.828.521	164.989.828.521
	-	-	204.865.317.834	39.875.489.313	164.989.828.521	164.989.828.521
Tổng	13.924.050.941	13.924.050.941	453.327.335.200	72.353.675.046	394.897.711.095	394.897.711.095

(i) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng cho vay số CLC-4970-01 ký vào ngày 26/10/2023 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với giá trị là 3.338.762.461 đồng; Lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay là 180 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để mua căn hộ P7-41.OT09 tại tầng 41 thuộc Nhà chung cư Park 7, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản đảm bảo là căn hộ chung cư mua từ vốn vay.

Và hợp đồng vay dài hạn số BCLC-2471-01 ký ngày 10/05/2024 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với hạn mức vay tối đa là 425 tỷ đồng trong đó giá trị cấp giai đoạn 1 là 349 tỷ với thời hạn vay tối đa 06 năm, giai đoạn 2 là 76 tỷ với thời hạn vay tối đa là 07 năm. Mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Nợ thuế tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho thuê tài chính số 111.24.15/CTTC ngày 23/02/2024 với số tiền thuế tương đương với 6.017.520 USD tùy theo tỷ giá do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân. Thời hạn thuế là 72 tháng, lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng đối với cá nhân +3,1%/năm được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn. Số tiền kỳ quỹ bằng 5% tổng giá trị tài sản cho thuê chính thức.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.21 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	700.000.000.000	(200.000.000)	(1.530.000)	74.723.420.860	774.521.890.860
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	11.079.179.871	11.079.179.871
Tăng khác	-	-	-	900.000	900.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	(200.000.000)	(1.530.000)	85.803.500.731	785.601.970.731
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	8.826.085.169	8.826.085.169
Tăng khác	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Chia lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm này	700.000.000.000	(200.000.000)	(1.530.000)	94.629.585.900	794.428.055.900

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày 31/12/2024 như sau:

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Ông Mai Thanh Phương	147.600.000.000	21,09%	147.600.000.000	21,09%
Các cổ đông khác	552.400.000.000	78,91%	552.400.000.000	78,91%
Tổng	700.000.000.000	100%	700.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	700.000.000.000	700.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	153	153
- Cổ phiếu phổ thông	153	153
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.999.847	69.999.847
- Cổ phiếu phổ thông	69.999.847	69.999.847
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 0 đồng
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: 0
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0

Các quỹ của doanh nghiệp

	Số đầu năm VND	Tăng VND	Giảm VND	Số cuối năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.885.826.969	-	-	5.885.826.969
Tổng	5.885.826.969	-	-	5.885.826.969

5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	139.582,3	6.067,72

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	308.404.910.268	987.956.919.529
Doanh thu bán hàng hóa	1.687.543.606.754	818.343.284.904
Doanh thu bán bất động sản	3.203.382.616	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.682.000.000	42.000.000
Tổng	2.002.868.339.638	1.806.342.204.433

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giảm giá hàng bán	98.088.536	10.627.200
Hàng bán bị trả lại	18.174.690	-
Tổng	116.263.226	10.627.200

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thành phẩm	201.710.606.912	855.495.462.082
Giá vốn hàng hóa	1.672.584.401.008	813.621.889.274
Giá vốn bất động sản	3.077.428.458	-
Giá vốn dịch vụ	35.045.066	-
Tổng	1.877.407.481.444	1.669.117.351.356

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	2.626.979.681	3.136.160.620
Lãi bán các khoản đầu tư	29.792.000.000	493.800.000
Lãi trái phiếu	134.540.848	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.785.286.801	3.465.512.272
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục ngoại tệ cuối năm	24.051.265	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	830.910
Tổng	34.362.858.595	7.096.303.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.5 Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	56.132.803.809	63.339.959.573
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.116.896.487	1.296.967.105
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	-	911.236.979
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	15.000.000
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	831.313.977	(92.303.266)
Chi phí tài chính khác	47.500.002	297.224.267
Tổng	58.128.514.275	65.768.084.658

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	2.350.192.913	3.362.915.842
Chi phí dịch vụ	16.854.191.727	24.533.717.460
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.182.225.883	1.445.056.220
Tổng	21.386.610.523	29.341.689.522

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	5.716.647.682	14.388.192.217
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.538.433.830	3.558.349.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.394.980.535	2.876.569.917
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.609.684.614	3.858.008.462
Tổng	29.259.746.661	24.681.120.460

6.8 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	100.000.000	-
Thu nhập khác	83.228.708	2.483.924
Tổng	183.228.708	2.483.924

6.9 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt, chậm nộp	134.464.895	2.036.098.991
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	38.750.398.461	192.405.494
Thuế GTGT không được khấu trừ	513.747.653	1.095.673.803
Chi phí CCDC, khấu hao TSCĐ dừng hoạt động	1.065.299.970	6.063.358.696
Các khoản chi phí khác.	1.766.183.832	158.110.038
Tổng	42.230.094.811	9.545.647.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho năm 2024 được trình bày tại **thuyết minh 4.22**.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	25.190.832	3.897.292.070
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.190.832	3.897.292.070

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	388.006.834.897	804.770.843.501
Chi phí nhân công	31.091.852.113	38.929.003.895
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.471.702.402	22.469.922.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.676.762.581	48.144.225.140
Chi phí khác	13.000.774.955	15.106.782.538
Tổng	489.247.926.948	929.420.777.393

6.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	8.826.085.169	11.079.179.871
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	8.826.085.169	11.079.179.871
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	69.999.847	69.999.847
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	126	158
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	126	158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.457.633.983.191	1.645.323.496.787

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	2.183.070.024.161	1.726.453.363.217

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Thu nhập HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

		Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	663.600.000	674.090.000
Ông Lê Thạc Tuấn (*)	Ủy viên HĐQT	-	-
Ông Cao Văn Thọ (*)	Ủy viên HĐQT	-	-
Bà Trần Hải Yến	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	484.800.000	541.500.000
Ông Nguyễn Thanh Bình (*)	Phó Tổng Giám đốc	-	239.608.333
Ông Đinh Đức Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
Bà Vũ Ngọc Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Bà Mai Thị Thanh Hoa	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Tổng		1.148.400.000	1.455.198.333

(*) Ông Lê Thạc Tuấn, Ông Cao Văn Thọ và Ông Nguyễn Thanh Bình không phát sinh thu nhập do được chi trả tại các đơn vị khác.

8.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Neo Floor (1)	Liên quan Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SPC Việt Nam (2)	Liên quan Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Công trình Đường sắt Việt Nam (2)	Liên quan Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Pha Lê Holdings (1)	Liên quan Thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

(1) Công ty do Ông Mai Thanh Phương - Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê là Giám đốc.

(2) Công ty do Ông Lê Thạc Tuấn - Ủy viên HĐQT của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê là Giám đốc.

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Giao dịch	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm	Trả tiền vay	10.844.970.000	12.880.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An	Cho mượn tiền	38.815.650.000	4.000.000.000
	Mua dịch vụ	231.636.933	-
Công ty Cổ phần Neo Floor	Bán hàng	264.629.395.716	157.827.495.326
	Trả tiền vay	3.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công trình Đường sắt Việt Nam	Mua dịch vụ	4.431.370.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SPC Việt Nam	Bán hàng	381.544.105	96.600.000
Công ty Cổ phần Pha Lê Holdings	Mượn tiền	-	2.160.000.000

Chính sách mua, bán hàng hóa, nguyên vật liệu được áp dụng tương tự với các đơn vị khác, không có sự khác biệt về giá mua, bán.

Số dư phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm		
- Vay dài hạn	-	10.844.970.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An		
- Phải thu ngắn hạn khác	38.815.650.000	7.245.000.000
- Phải thu về cho vay	7.200.000.000	7.200.000.000
Công ty Cổ phần Neo Floor		
- Phải thu thương mại	106.905.608.651	3.100.000.000
- Người mua trả tiền trước	-	45.167.288.405
- Trả trước cho người bán	-	3.244.965.180
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SPC Việt Nam		
- Phải thu thương mại	-	3.014.450.287
Công ty Cổ phần Đầu tư công trình đường sắt Việt Nam		
- Phải trả người bán	1.660.998.165	702.618.565

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Pha Lê Holdings		
- Phải thu khác	2.160.000.000	2.160.000.000

8.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu theo khu vực địa lý	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
Năm 2024			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.818.121.164.537	184.596.471.875	2.002.717.636.412
Tài sản bộ phận	2.364.267.897.960	27.726.057.430	2.391.993.955.389
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (theo vị trí của tài sản)	243.746.603.623	-	243.746.603.623
Năm 2023			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.528.798.686.322	277.532.890.911	1.806.331.577.233
Tài sản bộ phận	1.730.707.318.173	12.692.506.187	1.743.399.824.360
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (theo vị trí của tài sản)	12.377.024.105	-	12.377.024.105

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ
Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đình Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bộ phân theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả kinh doanh phân chia theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024

	Sản xuất	Thương mại	Hoạt động không phân bổ	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Năm 2024				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	308.288.647.042	1.687.543.606.754	6.885.382.616	2.002.717.636.412
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	201.710.606.912	1.672.584.401.008	3.112.473.524	1.877.407.481.444
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.578.040.130	14.959.205.746	3.772.909.092	125.310.154.968
Doanh thu hoạt động tài chính			34.362.858.595	34.362.858.595
Chi phí hoạt động tài chính			58.128.514.275	58.128.514.275
Chi phí bán hàng			21.386.610.523	21.386.610.523
Chi phí quản lý doanh nghiệp			29.259.746.661	29.259.746.661
Thu nhập khác			183.228.708	183.228.708
Chi phí khác			42.230.094.811	42.230.094.811
Chi phí thuế TNDN hiện hành			25.190.832	25.190.832
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN				8.826.085.169

Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 31/12/2024:

Tài sản bộ phận	1.165.393.581.527	318.937.459.770	1.484.331.041.297
Tài sản không phân bổ			907.662.914.092
Tổng tài sản	1.165.393.581.527	318.937.459.770	2.391.993.955.389
Nợ phải trả bộ phận	289.758.199.026	82.714.802.263	372.473.001.289
Nợ phải trả không phân bổ			1.219.207.071.231
Tổng nợ phải trả	289.758.199.026	82.714.802.263	1.591.680.072.520

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ
Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đồng Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kết quả kinh doanh phân chia theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

	Sản xuất		Thương mại	Hoạt động không phân bổ		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2023						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	987.956.919.529	818.332.657.704		42.000.000	1.806.331.577.233	
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-		-	1.669.117.351.356	
Giá vốn hàng bán	855.495.462.082	813.621.889.274		-	137.214.225.877	
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	132.461.457.447	4.710.768.430		42.000.000	7.096.303.802	
Doanh thu hoạt động tài chính				7.096.303.802	65.768.084.658	
Chi phí hoạt động tài chính				65.768.084.658	29.341.689.522	
Chi phí bán hàng				29.341.689.522	24.681.120.460	
Chi phí quản lý doanh nghiệp				24.681.120.460	2.483.924	
Thu nhập khác				2.483.924	9.545.647.022	
Chi phí khác				9.545.647.022	3.897.292.070	
Chi phí thuế TNDN hiện hành				3.897.292.070	-	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-	11.079.179.871	
Lợi nhuận sau thuế TNDN						

Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 31/12/2023:

Tài sản bộ phận	1.089.770.361.667	291.332.018.086	1.381.102.379.753
Tài sản không phân bổ			362.297.444.607
Tổng tài sản	1.089.770.361.667	291.332.018.086	1.743.399.824.360
Nợ phải trả bộ phận	216.719.696.167	-	216.719.696.167
Nợ phải trả không phân bổ			766.875.445.243
Tổng nợ phải trả	216.719.696.167	-	983.595.141.410

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ
Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

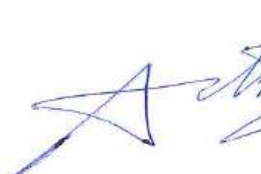
Ban Tổng Giám đốc thấy rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

10. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.



TRẦN HỮU TÍN
Người lập biểu



PHẠM XUÂN TRÍ
Kế toán trưởng



TRẦN HẢI YẾN
Tổng Giám đốc

Hải phòng, ngày 31 tháng 3 năm 2025

